

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2017

THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội Đồng cổ đông (ĐHDCĐ) thường niên năm 2017 với nội dung cụ thể như sau:

- 1. Thời gian Tổ chức đại hội:** 9h00, Thứ sáu - ngày 16/06/2017 (đón khách từ 8h00)
- 2. Địa điểm:** Hội trường Lầu 4 Công ty, Công C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM
- 3. Nội dung đại hội:**

Tài liệu nội dung ĐHDCĐ thường niên 2017 được Công ty đăng tải tại website: www.tancangwarehousing.com.vn và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Đăng ký dự họp:

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng *Đăng ký dự Đại hội* tại Văn phòng Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng hoặc gửi *Giấy đăng ký tham dự Đại hội* về địa chỉ dưới đây **trước 15h00 ngày 12/6/2017**.

5. Ủy quyền tham dự đại hội:

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền dự Đại hội* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây **trước 15h00 ngày 14/6/2017** hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có dấu của tổ chức ủy quyền.)

6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng

- Địa chỉ: Công C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM
- Điện thoại : (08) 37423929 Fax: (08) 37422014

Liên hệ: Ms Diễm – 0909.831.834

Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (Nếu có);
- Giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHÙNG NGỌC MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cống C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

Điện thoại: (08) 37423929 Fax: (08) 37422014

Website: www.tancangwarehousing.com.vn

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2017



THÁNG 6/2017



TAN CANG
WAREHOUSING

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cống C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

Điện thoại: (08) 37423929 Fax: (08) 37422014

Website: www.tancangwarehousing.com.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU



1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
2. Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2016 và Kế hoạch năm 2017;
4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016;
5. Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2016;
6. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017;
7. Tờ trình phương án trả lương năm 2017;
8. Tờ trình Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2016 & phương án trả thù lao năm 2017;
9. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2017;
10. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
11. Báo cáo tài chính Công ty mẹ kiểm toán năm 2016;
12. Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2016.

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
8h00 – 9h00	<ul style="list-style-type: none"> - Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Kiểm tra tư cách đại biểu, phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Tài liệu đại hội. 	Ban tổ chức
9h00 – 9h15	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội; - Chào cờ, tuyên bố lý do; - Giới thiệu nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu. 	Ban tổ chức
9h15 – 9h30	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Chương trình Đại hội; - Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội. 	Chủ tọa
9h30 – 10h00	Các báo cáo tại Đại hội: <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2016; - Báo cáo Ban kiểm soát năm 2016. 	Đại diện HĐQT Đại diện BKS
10h00 – 10h45	Nội dung tờ trình: <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất kiểm toán năm 2016; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017; - Tờ trình phương án trả lương năm 2017; - Tờ trình Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2016 & phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2017; - Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm tài chính 2017; - Và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có). 	Đoàn chủ tọa
10h45–11h15	Đại hội thảo luận các nội dung Đại hội biểu quyết thông qua nội dung đệ trình <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn biểu quyết - Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết 	Chủ tọa Ban kiểm phiếu
11h15–11h30	Đại hội giải lao – Ban kiểm phiếu làm việc	
11h30–11h40	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
11h40–12h00	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội; - Tuyên bố bế mạc ĐH; - Chào cờ. - Mời cơm trưa các đại biểu và cổ đông. 	Đoàn chủ tọa/ Ban Thư ký Ban Tổ chức



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM

ĐT: (08) 37423929

Fax: (08) 37422014

Website: www.tancangwarehousing.com.vn

DU THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Điều lệ Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng năm 2017 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 01/03/2017 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định;
- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép;

Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/không được nhận uỷ quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:
Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu

Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
- Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa;
- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Thành phần Ban

kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

- Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2016; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu/Ban kiểm tra tư cách đại biểu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến, Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
 - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của

Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 07/04/2017) tổng số cổ phần của Công ty là: 14.998.258 cổ phần tương đương với 14.998.258 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 2, Điều 20 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả thẻ biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHÙNG NGỌC MINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

PHẦN 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

A. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

1. Thuận lợi

- Năm 2016, kinh tế trong nước ổn định, sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua hệ thống cảng thuộc TCT TCSG tiếp tục tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước. Những định hướng SXKD, đầu tư, hợp tác đúng đắn của Ban TGD TCT, HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi để Công ty nâng cao năng lực cạnh tranh, uy tín thương hiệu trên thị trường, tiếp tục duy trì, phát triển tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức biên chế Công ty tiếp tục được kiện toàn; cán bộ, nhân viên nhiệt tình, có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý điều hành; nội bộ đoàn kết, thống nhất cao.
- Cơ sở hạ tầng kho hàng, phương tiện xếp dỡ, công nghệ quản lý được đầu tư nâng cấp ngày càng đồng bộ, hiện đại.
- Dự án Depot Tân cảng - Suối tiên đã đi vào hoạt động ổn định, tăng trưởng tốt, lợi nhuận đạt khá, góp phần vào việc mở rộng chuỗi kết nối dịch vụ trong khu vực.

2. Khó khăn

- Diện tích, chất lượng mặt bằng bãi phục vụ cho khai thác hệ thống kho CFS, cảng mở, khu bãi hàng Cát Lái chưa đáp ứng được yêu cầu, phải mất kinh phí và thời gian nâng cấp, ít nhiều ảnh hưởng đến CLDV.
- Hiệu quả khai thác dịch vụ vận tải ngoài chưa cao do sự cạnh tranh gay gắt của thị trường; việc cấm giờ vào Depot Tân cảng Suối tiên ảnh hưởng đến sản lượng, hiệu quả khai thác Depot.
- Năm 2016, các khoản trả gốc, lãi các dự án có sử dụng vốn vay còn cao, áp lực về dòng tiền lớn.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2016.

1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2016 (một số chỉ tiêu chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2016	Thực hiện Năm 2016	% so với KH năm
Sản lượng thông qua bãi (teu)	449.298	521.507	116,7%
Sản lượng thông qua kho (tấn)	1.024.663	1.029.831	100,5%

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2016	Thực hiện Năm 2016	% so với KH năm
Sản lượng vận tải vòng ngoài (teu)	46.826	40.912	87,37%
+ Công ty mẹ	19.826	13.883	70,0%
+ Công ty TVCL	27.000	27.029	100,1%

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 (BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2016)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ (%)
A	1	2	3=2/1*100
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	621.015.880.075	627.899.342.849	101,1%
1. Doanh thu bán hàng	619.350.880.075	622.634.148.075	101,6%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.165.000.000	4.764.149.813	408,9%
3. Thu nhập khác	500.000.000	584.232.191	116,9%
4. Phần lỗ, lãi trong công ty liên kết	-	(83.187.230)	
II. Tổng chi phí	557.715.940.935	548.355.789.891	98,32%
1. Giá vốn hàng bán	490.014.135.659	477.742.130.294	97,49%
2. Chi phí tài chính	21.656.311.064	18.726.221.506	86,47%
3. Chi phí bán hàng	4.909.747.142	5.887.529.073	119,9%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.915.747.070	44.464.263.229	108,6%
5. Chi phí khác	220.000.000	1.535.645.789	698,02%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	63.299.939.140	79.543.552.958	125,66%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	12.659.987.828	17.064.569.574	134,79%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(519.195.193)	
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	50.639.951.312	62.998.178.577	124,4%
1. Lợi nhuận sau thuế cổ đông thiểu số	4.244.912.000	3.901.476.624	91,9%
2. Lợi nhuận sau thuế cty mẹ	46.395.039.312	59.096.701.953	127,37%
V. Lợi nhuận sau thuế phân phối	46.395.039.312	59.096.701.953	127,37
VI. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.610	3.309	126,78%
VII. Nợ ngân sách	46.111.000.000	59.158.928.164	128,29%

3. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 (BCTC Cty mẹ kiểm toán năm 2016)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ (%)
A	1	2	3=2/1*100
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	453.505.880.075	476.610.799.534	105,09%
1. Doanh thu bán hàng	450.105.880.075	468.834.051.030	104,16%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	2.900.000.000	6.628.682.697	228,57%
3. Thu nhập khác	500.000.000	1.148.065.807	229,61%
4. Phân lỗ, lãi trong công ty liên kết	-	-	
II. Tổng chi phí	398.981.940.934	405.295.197.869	101,58%
1. Giá vốn hàng bán	346.347.133.147	347.605.582.766	100,36%
2. Chi phí tài chính	14.966.311.064	12.249.565.409	81,84%
3. Chi phí bán hàng	4.259.747.141	5.357.446.854	125,76%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.208.749.582	38.829.470.597	116,92%
5. Chi phí khác	200.000.000	1.249.924.464	624,96%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	54.523.939.141	71.315.601.666	130,79%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	10.524.787.828	14.945.662.261	142%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(519.195.193)	
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	43.999.151.313	56.889.134.598	129,29%

C. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

- Năm 2016 Công ty đã phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD, các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đề ra, tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước (đặc biệt công ty mẹ DT vượt 5% KH năm, tăng 14,3% so với 2015, LN vượt 32% KH năm, tăng 32,2% so với năm 2015).
- Triển khai đồng bộ các loại hình dịch vụ kho CFS, xếp dỡ bãi, Depot rộng hiệu quả, chất lượng dịch vụ được khách hàng đánh giá cao. Dịch vụ vận tải vòng ngoài, kho ngoại quan dần ổn định, doanh thu tăng trưởng khá.
- Các dịch vụ do Cty CP TC-HL, TVCL đảm nhiệm (gồm vận tải container vòng ngoài, vận tải hàng lẻ, khai thuê hải quan, dịch vụ đóng rút bãi, kho nội địa...) khai thác có hiệu quả, góp phần kết nối thông suốt chuỗi dịch vụ của Công ty nói riêng và hệ thống nói chung.
- Thực hiện tốt định hướng đa dạng hóa ngành nghề, dịch vụ, triển khai khai thác kho ngoại quan Cát Lái, kho nội địa 710, 711 đúng tiến độ, tăng trưởng nhanh. Xúc tiến hợp tác đầu tư dự án cảng thủy nội địa Khu CNC TP để mở rộng SXKD, tăng cường kết nối hệ thống (đã thực hiện báo cáo các Sở, Ban, Ngành TP).

D. KẾT LUẬN

- Năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động theo đúng điều lệ, luật doanh nghiệp: HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp, duy trì họp thường kỳ mỗi quý một lần, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế của công ty. Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế sản xuất của doanh nghiệp để đề ra các Nghị quyết sát đúng, hiệu quả, đã nghe ban quản lý điều hành báo cáo tình hình hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các chủ trương định hướng đồng thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Ban điều hành.
- Chỉ đạo và giám sát Ban điều hành triển khai hoạt động SXKD đúng pháp luật, hiệu quả: Các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đề ra, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động; Tăng cường ứng dụng CNTT vào quản lý, điều hành SX, cải tiến, đổi mới quy trình SX, CLDV không ngừng được cải thiện, chuyển biến rõ nét, được khách hàng đánh giá cao; công tác Sale – MKT có sự chuyển biến rõ nét, kịp thời nắm bắt, chăm sóc khách hàng, phân tích, đánh giá thị trường, đối thủ từ đó kịp thời đề xuất các giải pháp về SX và các chính sách phù hợp; chỉ số kinh doanh ở mảng khai thác lõi Kho hàng CFS, Bãi CL, Depot rộng Tân cảng - Suối Tiên tăng trưởng tốt; công tác triển khai các ngành nghề mới như VTVN, Kho ngoại quan thực hiện đúng kế hoạch, công tác phát triển dự án mở rộng SXKD (cảng thủy nội địa Khu CNC TP) có nhiều triển vọng thành công là các cơ sở vững chắc để Công ty phát triển ổn định, bền vững trong các năm tiếp theo.
- Chỉ đạo và giao người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Công ty tại các Công ty con xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, 2 công ty con đều tăng trưởng về doanh, lợi nhuận.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

1. Thuận lợi:

- Sản lượng hàng hóa thông qua cảng Tân Cảng - Cát Lái và hệ thống cảng thuộc TCT TCSG dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng.
- Với chiến lược đồng bộ trong đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đổi mới công nghệ và cải cách hệ thống quản lý, Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tiếp tục phát huy các thế mạnh, nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động trong điều kiện nền kinh tế cả nước nói chung và TP.HCM nói riêng đang ổn định và phát triển.
- Việc sáp nhập đội xe VTVN của Cty con - TVCL vào vào đội xe của đơn vị là điều kiện để công ty nâng cao một bước về năng lực vận tải, chuẩn hóa chất lượng dịch vụ vận tải phục vụ trụ cột Logistics của TCT.

2. Khó khăn:

- Sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, đặc biệt là dịch vụ kho CFS. Một số đối thủ cạnh tranh đã có kế hoạch đầu tư XD mới các kho hàng khu vực TP.HCM, xung quanh và trong Cảng Cát Lái.
- Khả năng tăng thời gian cấm đường vào Depot TCST rất cao nhằm phục vụ dự án nâng cấp tuyến cống thoát nước trên đường Hoàng Hữu Nam.
- Năm 2017 áp lực về dòng tiền rất lớn do các khoản trả nợ gốc và lãi của các dự án vay ngân hàng vẫn còn rất lớn (Trả lãi dự kiến 18,5 tỷ đồng, trả nợ gốc dự kiến 82,7 tỷ đồng).
- Công ty tiếp nhận thêm 43 xe đầu kéo từ Công ty con – TVCL, nâng tổng số xe lên 65 xe, nên thời gian đầu sẽ gặp khó khăn trong khai thác, điều hành.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

1. Kế hoạch sản lượng năm 2017 (một số chỉ tiêu chính):

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch Năm 2017	Tỷ lệ (%)
I	Sản lượng thông qua bãi	Teu	521.507	552.797	106,00
1	Bãi CL		292.675	310.236	106,00
2	Bãi TC-Suối Tiên		125.151	132.660	105,99
3	Bãi Hiệp Lực		48.066	67.500	140,43
II	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.029.831	1.143.114	111,00
1	Kho Cát Lái		1.029.831	1.143.114	111,00
2	Kho TC-Hiệp Lực		16.433	16.800	102,00
III	Sản lượng vận tải vòng ngoài	Teu	40.912	37.847	92,50
IV	Sản lượng vận tải hàng lẻ	Tấn	50.862	52.500	103,22

2. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2017 (Hợp nhất): Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch Năm 2017	Tỷ lệ (%)
A	1	2	3=2/1*100
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	627.899.342.849	690.337.716.244	109,94%
1. Doanh thu bán hàng	622.634.148.075	687.999.443.517	110,49%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	4.764.149.813	1.161.000.000	24,37%
3. Thu nhập khác	584.232.191	1.177.272.727	201,54%
4. Lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	(83.187.230)	-	0%
II. Tổng chi phí	548.355.789.891	608.328.903.361	110,93%
1. Giá vốn hàng bán	477.742.130.294	535.999.116.975	112,19%
2. Chi phí tài chính	18.726.221.506	18.541.156.286	99,01%
3. Chi phí bán hàng	5.887.529.073	10.445.797.676	177,42%

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch Năm 2017	Tỷ lệ (%)
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.464.263.229	42.827.832.424	96,32%
5. Chi phí khác	1.535.645.789	515.000.000	33,55%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	79.543.552.958	82.008.812.882	103,09%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	17.064.569.574	16.398.762.576	96,09%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(519.195.193)	-	0%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	62.998.178.577	65.610.050.306	104,14%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.309	3.422	103,41%
VIII. Nộp ngân sách	59.158.928.164	56.611.000.000	95,70%

3. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2017 (Công ty mẹ):

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch Năm 2017	Tỷ lệ (%)
A	1	2	3=2/1*100
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	476.610.799.534	550.143.583.354	115,43%
1. Doanh thu bán hàng	468.834.051.030	546.343.583.354	116,53%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.628.682.697	3.400.000.000	51,29%
3. Thu nhập khác	1.148.065.807	400.000.000	34,84%
4. Lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	-	-	-
II. Tổng chi phí	405.295.197.869	478.273.302.622	118,01%
1. Giá vốn hàng bán	347.605.582.766	419.665.931.927	120,73%
2. Chi phí tài chính	12.249.565.409	12.544.751.935	102,38%
3. Chi phí bán hàng	5.357.446.854	8.973.055.877	167,49%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.829.470.597	36.689.562.883	94,49%
5. Chi phí khác	1.249.924.464	400.000.000	32%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	71.315.601.666	71.870.280.732	100,78%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	14.945.662.261	13.894.056.146	96,31%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(519.195.193)	-	-
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	56.889.134.598	57.976.224.586	101,91%

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

KH 2016: Tổng doanh thu, thu nhập thuần dự kiến đạt 690,33 tỷ đồng (bằng 109,94% so 2016); Tổng chi phí dự kiến là 608,32 tỷ đồng (bằng 110,93% so 2016); Tổng LNTT dự kiến đạt 82,00 tỷ đồng (bằng 103,09% so 2016). LNST dự kiến đạt:

65,61 tỷ (bằng 104,14%). Tốc độ tăng của tổng chi phí cao hơn tốc độ tăng của tổng doanh thu là 1,02% là do năm 2017 (tháng 4) công ty tiếp nhận, đưa 43 xe TVCL vào khai thác, nên chi phí khai thác, chi phí quảng cáo, tiếp thị còn cao nhằm giữ khách hàng cũ, thu hút lượng khách hàng mới, tạo tiền đề phát triển cho những năm sau, ngoài ra do cung lớn hơn cầu nên sản lượng hàng hóa vận chuyển còn hạn chế. Tốc độ tăng chi phí cao hơn tốc độ tăng doanh thu làm cho lợi nhuận trước thuế chỉ tăng khoảng 3% so 2016. EPS đạt 3.422 đồng/CP, tăng 3,41% so 2016. Đây là những chỉ số được đánh giá là tốt so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

D. KẾT LUẬN

Năm 2017, Hội đồng quản trị tiếp tục bám sát các chủ trương định hướng của Tổng Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 và tình hình thực tế sản xuất của đơn vị, thực hiện quyết liệt các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản trị, chỉ đạo Ban điều hành triển khai nhiệm vụ SXKD, đầu tư theo hướng:

Thực hiện tốt chủ trương của Đảng ủy QCSG lấy năm 2017 là **“Năm khách hàng, đổi mới tư duy kết nối hệ thống, nâng cao năng suất lao động và phát triển dịch vụ gia tăng cho doanh nghiệp”**. Tập trung đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả dịch vụ Logistics. Đa dạng hóa dịch vụ, phát triển thêm giá trị gia tăng trên cơ sở mở rộng, phát triển mạnh loại hình kho ngoại quan, phân phối, nội địa, dịch vụ rộng và xúc tiến đầu tư khai thác cảng thủy nội địa tại Khu CNC TP. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động Sale-MKT, chăm sóc khách hàng theo hướng chuyên sâu vào thị trường từng khu vực, từng khách hàng, giữ vững các khách hàng hiện có và gia tăng thị phần khai thác bằng các khách hàng mới. Trong đó chú trọng:

- Lấy dịch vụ kho, bãi cảng Cát Lái làm nòng cốt, khai thác hiệu quả bãi hàng trong Cảng Tân cảng Cát Lái với các dịch vụ chính sau: Khai thác container kiểm hóa, máy soi; container trung chuyển tại Cảng mở; container quá khổ, quá tải; dịch vụ đóng rút bãi. Đẩy mạnh mảng khai thác mảng Kho tại Cát Lái trên cơ sở đa dạng hóa dịch vụ (phát triển mạnh kho ngoại quan, nội địa), tăng cường ứng dụng phần mềm quản lý kho hiện đại, cải tiến quy trình SX, nâng cao năng suất, phấn đấu chỉ tiêu sản lượng kho tăng trưởng tối thiểu 11%, bãi 6% so với năm 2016.
- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác hiệu quả Depot Tân cảng Suối Tiên bằng các giải pháp nâng cao CLDV, áp dụng các chính sách giá, hoa hồng linh hoạt; phối hợp với Khu quản lý đô thị số 2, UBND Q9 giải quyết tốt vấn đề hạn chế, cấm đường nhằm duy trì mức sản lượng ổn định. Phấn đấu năm 2017 có lãi. Ti suất LN/DT đạt từ 8-12%.
- Đẩy mạnh hoạt động đội Vận tải ngoài: Năm 2017 phối thuộc theo sự điều hành tập trung của SNPL thông qua Vận tải bộ Tân cảng – Leader về vận tải vòng ngoài, chú trọng nâng cao doanh thu trên đầu xe bằng việc tự doanh, tiếp tục đầu tư thêm 03 mooc QK,QT trong đó đẩy mạnh khai thác mảng quá khổ, quá tải vòng ngoài và QK, QT xuất nhập tàu, tiếp nhận toàn bộ 43 xe đầu kéo từ TVCL, nâng cao năng lực đội xe, làm tốt hơn nữa vai trò là một trong 2 đơn vị chủ lực vận tải container đường bộ của TCT TCSG. Thực hiện ghép TBSX P.ĐĐ với trực ban điều hành P.ĐHVT để tinh giản biên chế, giảm chi phí quản lý.
- Tăng cường công tác quản trị đầu tư, ưu tiên triển khai các dự án đầu tư mới mở rộng sản xuất ra ngoài Cảng Cát Lái, có tiềm năng hiệu quả cao, kết nối với chuỗi hệ thống

- dịch vụ Logistics của TCT (Xúc tiến dự án Cảng Thủy nội địa Khu Công nghệ cao Quận 9; nghiên cứu tính khả thi dự án tại khu Công nghiệp Củ Chi).
- Đầu tư mua sắm TTB, phương tiện, xếp dỡ (06 xe đầu kéo nội bộ), ứng dụng CNTT (phân hệ WMSVN kho ngoại quan; đăng ký làm hàng, thanh toán trực tuyến...), nâng cao CLDV, năng suất lao động, thực hiện tốt kế hoạch xây dựng đơn vị điểm về CLDV.
 - Song song với triển khai SXKD, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự. Sẵn sàng bến bãi, kho, phương tiện phục vụ xếp dỡ, tập kết hàng quân sự; tăng cường tuần tra canh gác, đảm bảo an ninh cảng biển; Nâng cao cảnh giác, SSCĐ, hoàn thành tốt nhiệm vụ QSQP; sẵn sàng nhận, hoàn thành tốt nhiệm vụ đột xuất trên giao.
 - Thực hiện tốt kế hoạch xây dựng đơn vị điểm về PCCN và điểm về CLDV, xây dựng đơn vị an toàn về mọi mặt, nhất là an toàn về PCCN, ATLĐ, ATGT, an toàn CNTT, an toàn hàng hóa và thực hiện nghiêm 3 dứt điểm, bộ quy tắc ứng xử của TCT.
 - Phát huy tối đa vai trò của từng cá nhân người lao động. Tiếp tục đổi mới, cải cách chế độ tiền lương. Đảm bảo thu nhập ổn định cho NLĐ cao hơn mức 2016 khoảng 2,0%.
 - Tăng cường giám sát, chỉ đạo, hỗ trợ 2 công ty con theo hướng:
 - + TVCL: Ngưng khai thác mảng VTVN, tập trung phát triển dịch vụ vận tải hàng lẻ, khai thuê hải quan, FWD và bốc xếp, vận chuyên trong cảng. Ưu tiên giao thêm dịch vụ cho TVCL (thêm xe nâng dầu, xe nâng điện kho CFS).
 - + TC-HL: Dự kiến chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty CP Sang công ty TNHH MTV do Kho Vận Tân Cảng làm chủ sở hữu 100% vốn.

PHẦN 3: KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NĂM 2016, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2017

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NĂM 2016

1. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư:

Triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2016; Căn cứ vào chức năng, quyền hạn của HĐQT, BGĐ được quy định tại Điều lệ Công ty; trong năm qua Công ty đã thực hiện công tác đầu tư như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KH NĂM 2016	TH NĂM 2016	% TH KH 2016
A	CÔNG TY MẸ ĐẦU TƯ			
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	10.500	12.572	119,73%
1	Xây mới VP Cát Lái (phần còn lại)	2.500	2.500	100%
2	Đầu tư nâng cấp bãi Cảng Mở	8.000	10.072	125,9%
II	MUA SẮM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	44.518	2.869	6,44%
1	Đầu kéo chạy ngoài – moọc – TB giám sát hành trình	16.900	-	
2	Moọc quá khổ	1.500	920	61,3%

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KH NĂM 2016	TH NĂM 2016	% TH KH 2016
3	Camera kho 2,3	6.000	1.949	32,48%
4	Mở rộng phần mềm WMS + TB	8.000	-	
5	HT chữa cháy tự động sprinkler kho 2,3	3.600	-	
6	Handheld cho thủ kho	379	-	
7	Handheld đầu kéo xe nội bộ	515	-	
8	Handheld 12 xe nâng thuê kho 02 tầng	722	-	
9	Xe đầu kéo nội bộ	5.265	-	
10	Mooc nội bộ	1.200	-	
11	Hệ thống Wifi khu vực kho 05	437		
III	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DN	4.000	4.000	
1	Đầu tư thêm vốn vào công ty CP Tiếp Vận Cát Lái (Nhận chuyển nhượng số cổ phần góp vốn của công ty VTB Tân Cảng).	4.000	4.000	100%
B	CÔNG TY CON ĐẦU TƯ	12.089		
I	Công ty CP Tiếp Vận Cát Lái			
II	Công ty CP Tân Cảng Hiệp Lực	12.089		
1	Mua đầu kéo + mooc	2.909	522	17,94%
2	Hệ thống camera giám sát kho	370	65	17,56%
3	Hệ thống PCCC trong kho	1.000	-	
4	Xây dựng khu vệ sinh nhà chờ công nhân	210	208	99,05%
5	Hàng rào nội bộ bãi mở rộng (phần 17 ha)	400	-	
6	Góp vốn vào dự án Tân Cảng – Tây Ninh	7.200	1.000	13,89%

2. Đánh giá:

* Ưu điểm:

- Các hạng mục đầu tư tập trung ưu tiên cho cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đầu tư mua sắm phương tiện nâng cao năng lực xếp dỡ vận chuyển và đảm bảo an toàn, an ninh hàng hóa.
- Các gói thầu thực hiện đúng thủ tục theo quy định.

* Hạn chế:

Một số hạng mục đầu tư chậm thực hiện như:

- Đầu kéo, mooc chạy ngoài; đầu kéo nội bộ; góp vốn vào Tân Cảng – Tây Ninh; mở rộng phần mềm WMSVN (do dẫn tiến độ).
- Nâng cấp hệ thống PCCC kho 2,3 (công tác triển khai gói thầu thiết kế chậm).

B. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KH 2017
A	CÔNG TY MẸ ĐẦU TƯ	200.465
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	18.526
1	Xây dựng kho 02 tầng GĐ1 (phần còn lại)	12.650
2	Sửa chữa kho 05 Cát Lái	3.376
3	Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	2.500
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	31.002
1	Camera kho 2,3	4.549
2	HT chữa cháy tự động sprinkler	6.490
3	06 xe đầu kéo nội bộ	10.626
4	03 Mooc nội bộ	1.050
5	03 mooc qua khổ	1.860
6	05 Handheld thủ kho	248
7	08 Handheld kho đầu kéo nội bộ	680
8	Mở rộng tính năng phân hệ kho CFS phần mềm WMSVN	1.500
9	Phân hệ kho Ngoại quan phần mềm WMSVN	4.000
III	ĐẦU TƯ DỰ ÁN	147.517
	Cảng thủy nội địa Q9	147.517
III	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DN	3.420
	Góp thêm vốn vào TC-HL	3.420
B	CÔNG TY CON ĐẦU TƯ	6.689
I	Công ty CP Tiếp Vận Cát Lái	-
II	Công ty CP Tân Cảng Hiệp Lực	6.689
1	Hàng rào khu vực 14.000m ²	320
2	Máy bơm hệ thống PCCC	102
3	Bồn chứa thuộc hệ thống PCCC	67
4	Đầu tư ra ngoài DN (góp vốn vào Tân cảng – Tây Ninh)	6.200
Tổng		207.154

Tổng số tiền dự kiến đầu tư năm 2017: Hai trăm lẻ bảy tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu (Trong đó Công ty mẹ đầu tư hai trăm tỷ, bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng; Công ty con đầu tư Sáu tỷ, sáu trăm tám mươi chín triệu đồng).

PHẦN 4 : BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2016
(Tóm tắt một số chỉ tiêu chính)

Tài sản ngắn hạn:	253.216.829.287
Tài sản dài hạn:	419.948.929.650
Tổng cộng tài sản:	673.165.758.937
Nợ phải trả:	373.426.380.423
Nguồn vốn chủ sở hữu:	299.739.378.514
Tổng cộng nguồn vốn:	673.165.758.937
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	622.634.148.075
Doanh thu hoạt động tài chính:	4.764.149.813
Lỗ trong cty LD, liên kết	(83.187.230)
Thu nhập khác:	584.232.191
Giá vốn hàng bán:	477.742.130.294
Chi phí tài chính:	18.726.221.506
Chi phí bán hàng:	5.887.529.073
Chi phí quản lý:	44.464.263.229
Chi phí khác:	1.535.645.789
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	79.543.552.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	17.064.569.574
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	(519.195.193)
Lợi nhuận sau thuế:	62.998.178.577
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (đồng/CP)	3.309

Trên đây là một số nét về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 và phương hướng kế hoạch năm 2017, xin báo cáo trước Đại hội.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHÙNG NGỌC MINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát đã được quy định tại điều lệ Công ty CP Kho Vận Tân Cảng và thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/07/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty CP Kho Vận Tân Cảng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Ban kiểm soát công ty xin báo cáo trình Đại hội cổ đông về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 như sau:

A- VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH:

*** KẾT QUẢ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2016 (ĐVT: đồng)**

I- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2016:

1- TÌNH HÌNH TÀI SẢN:

- Tài sản ngắn hạn:	253.216.829.287
- Tài sản dài hạn:	419.948.929.650
Tổng cộng tài sản:	673.165.758.937

2- TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN:

- Nợ phải trả:	373.426.380.423
- Nguồn vốn chủ sở hữu:	299.739.378.514
Tổng cộng nguồn vốn:	673.165.758.937

II- KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016:

1- Tổng doanh thu, thu nhập thuần:	627.982.530.079
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	622.634.148.075
- Doanh thu hoạt động tài chính:	4.764.149.813
- Thu nhập khác:	584.232.191
2- Tổng chi phí:	548.355.789.891
- Giá vốn hàng bán:	477.742.130.294
- Chi phí tài chính:	18.726.221.506
- Chi phí bán hàng:	5.887.529.073
- Chi phí quản lý doanh nghiệp:	44.464.263.229
- Chi phí khác:	1.535.645.789

4 – Lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết:	(83.187.230)
5 - Tổng lợi nhuận trước thuế:	79.543.552.958
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:	16.545.374.381
6 - Lợi nhuận kế toán sau thuế:	62.998.178.577
7 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS):	3.309

III- MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		62,38%	68,61%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		37,62%	31,39%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		55,47%	56,41%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		44,53%	43,59%
3	Khả năng thanh toán	lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,48	1,19
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,49	1,2
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ		9,64%	8,25%
	- Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS)		10,12%	8,72%
	- Tỷ suất LNST/Vốn CSH BQ (ROE)		21,9%	17,23%

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên đã được thể hiện rõ trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty. Các báo cáo này đã được kiểm toán độc lập (*Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C*) kiểm toán xác nhận. Ban kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016; phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy chế, quy định khác về quản lý tài chính của công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối.

B- VỀ ĐẦU TƯ :

Căn cứ vào báo cáo kết quả đầu tư của công ty và qua kiểm tra, Ban Kiểm soát nhận thấy: Trong năm 2016 mua thêm 400.000 cổ phần của công ty cổ phần tiếp vận Cát Lái, nâng vốn góp lên 23 tỷ đồng, với tỷ lệ sở hữu là 57,5%. Tính đến 31/12/2016 tổng mức đầu tư là: 24,08 tỷ đồng, các công ty đều có kết quả hoạt động tốt

C- VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC, ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. Tình hình thực hiện pháp luật nhà nước:

+ Thực hiện pháp lệnh về thuế và các khoản phải nộp Ngân sách:

Đến cuối ngày 31/12/2016 tình hình kê khai và nộp Ngân sách Nhà nước của Công Ty CP được thực hiện đầy đủ và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

+ Thực hiện việc công bố thông tin:

Năm 2016 công ty đã thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của UBCK nhà nước về công bố thông tin của công ty đại chúng.

2. Thực hiện điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 của Công ty HĐQT đã chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

+ Chi trả thù lao HĐQT và BKS:

Trong năm 2016, Công ty đã chi thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát số tiền là 240.000.000 đồng. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, thù lao HĐQT & BKS được chi trong năm 2016 là 240.000.000 đồng. Công ty đã hạch toán số tiền thù lao đúng quy định kế toán hiện hành.

+ Chọn công ty kiểm toán:

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT và BKS Công ty đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.

+ Trách nhiệm của HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý:

Trong năm tài chính 2016, các thành viên HĐQT đã tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, trong năm ban kiểm soát chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các quy định trong quản lý, điều hành đối với thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý.

D. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

- Tăng cường việc kiểm tra giám sát kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, công tác điều hành quản trị của ban điều hành.

- Tiếp tục giữ mối quan hệ làm việc đầy đủ, thường xuyên với HĐQT và Ban giám đốc công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát các hoạt động để đảm bảo công ty hoạt động đúng định hướng, đúng pháp luật.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGĐ;
- Lưu: BKS; T08.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Mai Thị Trâm



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cống C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM

ĐT: (08) 37423929 Fax: (08) 37422014

Website: www.tancangwarehousing.com.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

Số: 01/TT/HĐQT/2017

TỜ TRÌNH

V/v thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;

Hội đồng quản trị đệ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHÙNG NGỌC MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM

ĐT: (08) 37423929 Fax: (08) 37422014

Website: www.tancangwarehousing.com.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

Số: 02/TT/HĐQT/2017

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty mẹ kiểm toán năm 2016 và Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2016,

Hội Đồng Quản Trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016:

1. Trích lập các quỹ:

(Theo các mức tỷ lệ trích quỹ đã được ĐHĐCĐ 2016 thông qua)

2. Chia cổ tức: 15% /Vốn điều lệ

3. Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển sang năm sau để bổ sung Quỹ tái đầu tư.

Chi tiết phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016	:	59.096.701.953 đ
Các khoản giảm trừ lợi nhuận:	:	3.901.476.624 đ
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	:	3.901.476.624 đ
Lợi nhuận phân phối	:	55.195.225.329đ
+ Trích quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	:	6.259.269.121 đ
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽²⁾	:	9.122.937.820 đ
+ Trích Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty mẹ	:	200.000.000 đ
+ Thưởng BQL ĐH (phần lợi nhuận ST vượt kế hoạch ⁽³⁾)	:	617.911.363 đ
+ Trích thưởng BQL điều hành Công ty con	:	200.000.000 đ
+ Lợi nhuận chia cổ tức 15% Vốn điều lệ	:	22.497.387.000 đ
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	:	16.297.720.025đ

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trích quỹ đầu tư phát triển (Công ty mẹ: 5.688.913.460 đồng, các công ty con: 570.355.661 đồng).

⁽²⁾ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Công ty mẹ: 8.533.370.190 đồng, các công ty con: 589.567.630 đồng).

⁽³⁾ Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016 thông qua mức trích thưởng 5% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban điều hành tổng mức trích lập quỹ thưởng không quá 500.000.000 đồng (KH 2016: 50.639.951.312 đồng/Thực hiện 2016: 62.998.178.577 đồng, LNST vượt kế hoạch: 12.358.227.245 đồng). Trong năm 2016 HĐQT đã sát cánh nắm bắt mọi chủ trương, định hướng, chỉ đạo BQL ĐH hoàn thành xuất sắc KHSXKD năm trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, cạnh tranh khắc nghiệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành. Vì vậy, đề động viên khích lệ tinh thần cho đội ngũ tham gia quản lý doanh nghiệp, HĐQT đề nghị ĐHCĐ chi thưởng 5% LNST vượt kế hoạch cho BQLĐH số tiền cụ thể:

$$12.358.227.245 \text{ đồng} \times 5\% = 617.911.363 \text{ đồng}$$

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017:

Năm 2017, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

1. Trích lập các quỹ và chia cổ tức

+ Trích quỹ đầu tư phát triển.	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng	:	5%
+ Trích Quỹ phúc lợi	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	:	400.000.000 đ
+ Lợi nhuận chia cổ tức	:	15 % Vốn điều lệ
+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền		
+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.		

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHÙNG NGỌC MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cống C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM

ĐT: (08) 37423929 Fax: (08) 37422014

Website: www.tancangwarehousing.com.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

Số: 03/TT/HĐQT/2017

TỜ TRÌNH

V/v phương án trả lương năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ - CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối Nhà nước; –

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối Nhà nước;

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty,

HĐQT dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Chấp thuận đơn giá tiền lương trả cho người lao động của Công ty năm 2017 bằng 58,49 % trên Tổng doanh thu trừ Tổng chi phí không lương.

2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý năm 2017 : 3.240.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHÙNG NGỌC MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM

ĐT: (08) 37423929

Fax: (08) 37422014

Website: www.tancangwarehousing.com.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

Số: 04/TT/HĐQT/2017

TỜ TRÌNH

V/v quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2016 và phương án trả thù lao năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng;
Căn cứ nghị quyết đại hội cổ đông năm 2016 và Kế hoạch SXKD năm 2017,
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua nội dung sau:

I - Quyết toán thù lao, thưởng vượt KH lợi nhuận 2016

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thư ký năm 2016

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 3.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty: 1.000.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2016: 240.000.000 đồng, bằng với mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2017.

2. Thưởng vượt KH lợi nhuận ĐHCĐ giao năm 2016 cho Ban điều hành:

Lợi nhuận sau thuế KH năm 2016 (ĐHCĐ giao): 50.639.951.312 đồng

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2016: 62.998.178.577 đồng

Phần chênh lệch lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt KH:

62.998.178.577 đồng - 50.639.951.312 đồng = **12.358.227.265 đồng.**

Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016 ĐHCĐ thông qua mức trích thưởng 5% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban điều hành tổng mức trích lập quỹ thưởng không quá 500.000.000 đồng. Trong năm 2016 HĐQT đã sát cánh nắm bắt mọi chủ trương, định hướng, chỉ đạo BQL ĐH hoàn thành xuất sắc KHSXKD năm trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, cạnh tranh khắc nghiệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành. Vì vậy, để động viên khích lệ tinh thần cho đội ngũ tham gia quản lý doanh nghiệp, HĐQT đề nghị ĐHCĐ chi thưởng 5% LNST vượt kế hoạch cho BQLĐH số tiền cụ thể:

12.358.227.265 đồng * 5% = 617.911.363 đồng

Bằng chữ: Sáu trăm mười bảy triệu, chín trăm mười một ngàn, ba trăm sáu mươi ba đồng.

II - Kế hoạch chi trả thù lao năm 2017

1. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch	01	8.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
III	Thư ký công ty	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					516.000.000

2. Thuởng vượt KH lợi nhuận ĐHCĐ giao năm 2017 cho Ban điều hành:

HĐQT trình ĐHCĐ trích thưởng 15% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2017 do ĐHCĐ giao (lợi nhuận sau thuế KH năm 2017 là: **65.610.050.306** đồng).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHÙNG NGỌC MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM

ĐT: (08) 37423929 Fax: (08) 37422014

Website: www.tancangwarehousing.com.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

Số: 05/TT/HĐQT/2017

TỜ TRÌNH

V/v chọn lựa đơn vị kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng;

Năm 2017, Hội đồng quản trị trình đại hội đồng cổ đông phê duyệt chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội làm Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty Cổ phần Kho vận Tân cảng trong năm tài chính 2017.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHÙNG NGỌC MINH

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng;

Căn cứ Biên bản họp đại hội Đồng cổ đông ngày 16/6/2017.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 16/6/2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng được tổ chức với sự tham gia của [...] cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho [...] cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm [...] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2016 và Kế hoạch năm 2017

Kết quả sản lượng thực hiện năm 2016 (một số chỉ tiêu chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2016	Thực hiện Năm 2016	% so với KH năm
Sản lượng thông qua bãi (teu)	449.298	521.507	116,7%
Sản lượng thông qua kho (tấn)	1.024.663	1.029.831	100,5%
Sản lượng vận tải vòng ngoài (teu)	46.826	40.912	87,37%
+ Công ty mẹ	19.826	13.883	70,0%
+ Công ty TVCL	27.000	27.029	100,1%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 (BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2016)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ (%)
A	1	2	3=2/1*100
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	621.015.880.075	627.899.342.849	101,1%
1. Doanh thu bán hàng	619.350.880.075	622.634.148.075	101,6%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.165.000.000	4.764.149.813	408,9%
3. Thu nhập khác	500.000.000	584.232.191	116,9%

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ (%)
4. Phần lỗ, lãi trong công ty liên kết	-	(83.187.230)	
II. Tổng chi phí	557.715.940.935	548.355.789.891	98,32%
1. Giá vốn hàng bán	490.014.135.659	477.742.130.294	97,49%
2. Chi phí tài chính	21.656.311.064	18.726.221.506	86,47%
3. Chi phí bán hàng	4.909.747.142	5.887.529.073	119,9%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.915.747.070	44.464.263.229	108,6%
5. Chi phí khác	220.000.000	1.535.645.789	698,02%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	63.299.939.140	79.543.552.958	125,66%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	12.659.987.828	17.064.569.574	134,79%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(519.195.193)	
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	50.639.951.312	62.998.178.577	124,4%
1. Lợi nhuận sau thuế cổ đông thiểu số	4.244.912.000	3.901.476.624	91,9%
2. Lợi nhuận sau thuế cty mẹ	46.395.039.312	59.096.701.953	127,37%
V. Lợi nhuận sau thuế phân phối	46.395.039.312	59.096.701.953	127,37
VI. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.610	3.309	126,78%
VII. Nộp ngân sách	46.111.000.000	59.158.928.164	128,29%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 (BCTC Cty mẹ kiểm toán năm 2016)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ (%)
A	1	2	3=2/1*100
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	453.505.880.075	476.610.799.534	105,09%
1. Doanh thu bán hàng	450.105.880.075	468.834.051.030	104,16%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	2.900.000.000	6.628.682.697	228,57%
3. Thu nhập khác	500.000.000	1.148.065.807	229,61%
4. Phần lỗ, lãi trong công ty liên kết	-	-	
II. Tổng chi phí	398.981.940.934	405.295.197.869	101,58%
1. Giá vốn hàng bán	346.347.133.147	347.605.582.766	100,36%
2. Chi phí tài chính	14.966.311.064	12.249.565.409	81,84%
3. Chi phí bán hàng	4.259.747.141	5.357.446.854	125,76%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.208.749.582	38.829.470.597	116,92%
5. Chi phí khác	200.000.000	1.249.924.464	624,96%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	54.523.939.141	71.315.601.666	130,79%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	10.524.787.828	14.945.662.261	142%

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ (%)
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(519.195.193)	
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	43.999.151.313	56.889.134.598	129,29%

Kế hoạch sản lượng năm 2017 (một số chỉ tiêu chính):

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch Năm 2017	Tỷ lệ (%)
I	Sản lượng thông qua bãi	Teu	521.507	552.797	106,00
1	Bãi CL		292.675	310.236	106,00
2	Bãi TC-Suối Tiên		125.151	132.660	105,99
3	Bãi Hiệp Lực		48.066	67.500	140,43
II	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.029.831	1.143.114	111,00
1	Kho Cát Lái		1.029.831	1.143.114	111,00
2	Kho TC-Hiệp Lực		16.433	16.800	102,00
III	Sản lượng vận tải vòng ngoài	Teu	40.912	37.847	92,50
IV	Sản lượng vận tải hàng lẻ	Tấn	50.862	52.500	103,22

Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2017 (Hợp nhất): Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch Năm 2017	Tỷ lệ (%)
A	1	2	3=2/1*100
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	627.899.342.849	690.337.716.244	109,94%
1. Doanh thu bán hàng	622.634.148.075	687.999.443.517	110,49%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	4.764.149.813	1.161.000.000	24,37%
3. Thu nhập khác	584.232.191	1.177.272.727	201,54%
4. Lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	(83.187.230)	-	0%
II. Tổng chi phí	548.355.789.891	608.328.903.361	110,93%
1. Giá vốn hàng bán	477.742.130.294	535.999.116.975	112,19%
2. Chi phí tài chính	18.726.221.506	18.541.156.286	99,01%
3. Chi phí bán hàng	5.887.529.073	10.445.797.676	177,42%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.464.263.229	42.827.832.424	96,32%
5. Chi phí khác	1.535.645.789	515.000.000	33,55%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	79.543.552.958	82.008.812.882	103,09%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	17.064.569.574	16.398.762.576	96,09%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(519.195.193)	-	0%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	62.998.178.577	65.610.050.306	104,14%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.309	3.422	103,41%
VIII. Nộp ngân sách	59.158.928.164	56.611.000.000	95,70%

Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2017 (Công ty mẹ):

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch Năm 2017	Tỷ lệ (%)
A	1	2	3=2/1*100
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	476.610.799.534	550.143.583.354	115,43%
1. Doanh thu bán hàng	468.834.051.030	546.343.583.354	116,53%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.628.682.697	3.400.000.000	51,29%
3. Thu nhập khác	1.148.065.807	400.000.000	34,84%
4. Lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	-	-	-
II. Tổng chi phí	405.295.197.869	478.273.302.622	118,01%
1. Giá vốn hàng bán	347.605.582.766	419.665.931.927	120,73%
2. Chi phí tài chính	12.249.565.409	12.544.751.935	102,38%
3. Chi phí bán hàng	5.357.446.854	8.973.055.877	167,49%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.829.470.597	36.689.562.883	94,49%
5. Chi phí khác	1.249.924.464	400.000.000	32%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	71.315.601.666	71.870.280.732	100,78%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	14.945.662.261	13.894.056.146	96,31%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(519.195.193)	-	-
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	56.889.134.598	57,976,224,586	101,91%

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2016

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2016

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016:

1. *Trích lập các quỹ:*

(Theo các mức tỷ lệ trích quỹ đã được ĐHDCĐ 2016 thông qua)

2. *Chia cổ tức:* 15% /Vốn điều lệ

3. *Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển sang năm sau để bổ sung Quỹ tái đầu*

tu.

Chi tiết phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016	: 59.096.701.953 đ
Các khoản giảm trừ lợi nhuận:	: 3.901.476.624 đ
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	: 3.901.476.624 đ
Lợi nhuận phân phối	: 55.195.225.329đ
+ Trích quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	: 6.259.269.121 đ
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽²⁾	: 9.122.937.820 đ
+ Trích Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty mẹ	: 200.000.000 đ
+ Thưởng BQL ĐH (phần lợi nhuận ST vượt kế hoạch ⁽³⁾)	: 617.911.363 đ
+ Trích thưởng BQL điều hành Công ty con	: 200.000.000 đ
+ Lợi nhuận chia cổ tức 15% Vốn điều lệ	: 22.497.387.000 đ
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	: 16.297.720.025đ

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trích quỹ đầu tư phát triển (Công ty mẹ: 5.688.913.460 đồng, các công ty con: 570.355.661 đồng).

⁽²⁾ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Công ty mẹ: 8.533.370.190 đồng, các công ty con: 589.567.630 đồng).

⁽³⁾ Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016 thông qua mức trích thưởng 5% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban điều hành tổng mức trích lập quỹ thưởng không quá 500.000.000 đồng (KH 2016: 50.639.951.312 đồng/Thực hiện 2016: 62.998.178.577 đồng, LNST vượt kế hoạch: 12.358.227.245 đồng). Trong năm 2016 HĐQT đã sát cánh nắm bắt mọi chủ trương, định hướng, chỉ đạo BQL ĐH hoàn thành xuất sắc KHSXKD năm trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, cạnh tranh khắc nghiệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành. Vì vậy, đề động viên khích lệ tinh thần cho đội ngũ tham gia quản lý doanh nghiệp, HĐQT đề nghị ĐHCĐ chi thưởng 5% LNST vượt kế hoạch cho BQLĐH số tiền cụ thể:

$$12.358.227.245 \text{ đồng} \times 5\% = 617.911.363 \text{ đồng}$$

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017:

Năm 2017, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

1. Trích lập các quỹ và chia cổ tức

+ Trích quỹ đầu tư phát triển.	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng	:	5%
+ Trích Quỹ phúc lợi	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	:	400.000.000 đ
+ Lợi nhuận chia cổ tức	:	15 % Vốn điều lệ
+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền		

+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 5: Thông qua Phương án trả lương năm 2017

1. Đơn giá tiền lương trả cho người lao động của Công ty năm 2017 bằng 58,49% trên Tổng doanh thu trừ Tổng chi phí không lương.
2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý năm 2017: 3.240.000.000 đồng.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 6: Thông qua việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2016 và kế hoạch trả thù lao năm 2017

I - Quyết toán thù lao, thưởng vượt KH lợi nhuận 2016

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thư ký năm 2016

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 3.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty 1.000.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2016: 240.000.000 đồng, bằng với mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2017.

2. Thưởng vượt KH lợi nhuận ĐHCĐ giao năm 2016 cho Ban điều hành:

Lợi nhuận sau thuế KH năm 2016 (ĐHCĐ giao): 50.639.951.312 đồng

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2016: 62.998.178.577 đồng

Phần chênh lệch lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt KH:

62.998.178.577 đồng - 50.639.951.312 đồng = **12.358.227.265 đồng.**

Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016 ĐHCĐ thông qua mức trích thưởng 5% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban điều hành tổng mức trích lập quỹ thưởng không quá 500.000.000 đồng. Trong năm 2016 HĐQT đã sát cánh nắm bắt mọi chủ trương, định hướng, chỉ đạo BQL ĐH hoàn thành xuất sắc KHSXKD năm trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, cạnh tranh khắc nghiệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành. Vì vậy, để động viên khích lệ tinh thần cho đội ngũ tham gia quản lý doanh nghiệp, HĐQT đề nghị ĐHCĐ chi thưởng 5% LNST vượt kế hoạch cho BQLĐH số tiền cụ thể:

12.358.227.265 đồng * 5% = 617.911.363 đồng

Bằng chữ: Sáu trăm mười bảy triệu, chín trăm mười một ngàn, ba trăm sáu mươi ba đồng.

II - Kế hoạch chi trả thù lao năm 2017

1. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch	01	8.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
III	Thư ký công ty	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					516.000.000

2. Thưởng vượt KH lợi nhuận ĐHCĐ giao năm 2017 cho Ban điều hành:

HDQT trình ĐHCĐ trích thưởng 15% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2017 do ĐHCĐ giao (lợi nhuận sau thuế KH năm 2017 là: **65.610.050.306** đồng).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2017

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội làm Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng trong năm tài chính 2017.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nghị quyết được ĐHCĐ thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng thông qua toàn văn ngay tại Đại hội. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHÙNG NGỌC MINH



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẠN TÂN CẢNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẠN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đóng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh hôn lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần đầu tư vào ngày 27 tháng 3 năm 2015 do thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08 37 423 929
- Fax : 08 37 423 029
- E-mail : khovanlancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc hàn và thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập bản cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phùng Ngọc Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Năng Toàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Năng Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Văn Mỹ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Mai Thị Liên	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Vũ Ngọc Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Huỳnh Thế Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (liên tục)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Quang Huy	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2009
Ông Lê Hữu Trường	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2016
Ông Trần Minh Lăng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2011
Ông Trần Quang Thảo	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2014
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Huy (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2009).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trọng việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các ước tính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu hiệu nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh (lưu hành) tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Bùi Quang Huy

Ngày 03 tháng 3 năm 2017

Số: 140/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Căng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (toàn nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do giao lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do giao lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở đưa ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.273.068.284	150.323.641.911
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	124.937.770.443	76.246.735.904
1. Tiền	111		3.937.770.443	2.246.735.904
2. Các khoản tương đương tiền	112		121.000.000.000	74.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.677.623.270	69.266.762.493
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.048.063.372	68.285.466.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.107.598.427	668.610.248
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.651.117.475	1.141.842.015
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(129.156.004)	(129.156.004)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.567.467.472	1.986.372.480
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.567.467.472	1.986.372.480
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.090.207.099	2.123.771.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.090.207.099	1.712.797.511
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	410.973.523
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

HAO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mô số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		290.814.507.987	313.526.488.163
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		256.328.076.908	288.991.363.216
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	254.767.408.144	286.999.247.029
Nguyên giá	222		432.377.149.270	414.239.078.946
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.609.741.126)	(127.239.831.917)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.560.668.824	1.992.116.187
Nguyên giá	228		2.149.631.800	2.149.631.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(588.962.976)	(157.515.613)
III. Bất động sản đầu tư	230			
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	24.080.000.000	20.080.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		24.080.000.000	20.080.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.406.431.019	4.455.124.947
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	9.188.267.215	3.756.150.336
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.218.163.804	698.968.611
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		487.087.576.271	463.850.130.074

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		218.163.513.665	220.284.744.876
I. Nợ ngắn hạn	310		113.194.348.538	104.353.476.009
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	38.422.351.730	38.566.260.796
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.958.598.689	3.659.168.870
4. Phải trả người lao động	314		25.449.458.906	23.801.757.570
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.034.819.020	4.503.098.819
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	4.903.562.166	2.975.768.459
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	25.020.078.720	26.397.129.878
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	7.005.479.307	4.450.291.617
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		104.969.465.127	115.931.268.867
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	22.330.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	104.047.135.127	115.081.268.867
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		268.923.762.606	243.565.385.198
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	268.923.762.606	243.565.385.198
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		149.982.580.000	149.982.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.497.387.700	26.808.474.240
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.443.794.906	66.774.330.958
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		41.276.943.958	66.774.330.958
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.166.850.948	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành (từ sụn cổ định)	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		487.087.576.271	463.850.130.074

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng



Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	468.834.051.030	397.334.635.391
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	515.328.240
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		468.834.051.030	396.819.307.151
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	347.605.582.766	304.269.663.390
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30		121.228.468.264	92.549.643.761
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.628.682.697	5.597.576.698
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.252.773.187	10.105.295.964
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.249.565.409	8.125.623.938
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.357.446.854	2.938.009.355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	38.829.470.597	32.376.547.341
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.417.460.323	52.726.767.799
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.148.065.807	14.320.783.310
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.249.924.464	12.610.161.245
13. Lợi nhuận khác	40		(101.858.657)	1.710.622.065
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.315.601.666	54.137.389.864
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.14	14.945.662.261	10.825.993.431
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(519.195.193)	1.124.880.986
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.889.134.598	42.486.515.417
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	-	-

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Liên

Yêu Thị Xuân Loan

Đào Quang Huy



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	mô tả		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		91.315.601.666	54.437.389.864
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V1.12	51.235.213.768	41.750.951.302
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V1.4	(7.582.415)	278.002.020
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.611.255.547)	(4.910.937.807)
- Chi phí lãi vay	06	V1.5	12.249.565.409	8.125.625.938
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		138.181.542.881	99.681.032.217
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.990.067.505	26.061.707.669
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		418.905.008	49.168.338
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.153.883.182	(13.201.341.518)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.802.520.467)	(1.139.115.715)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.257.821.173)	(7.117.370.174)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(12.685.705.963)	(10.241.222.503)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	242.000.000	63.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(6.320.182.500)	(7.109.676.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		98.913.168.423	86.746.781.671
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.703.507.298)	(136.650.903.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V1.8	53.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	13.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(4.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.253.674.992	4.843.368.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.396.892.306)	(118.807.535.138)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	15.606.820.200		88.287.349.307
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(27.968.005.098)		(24.027.014.716)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.171.639.145)		(14.648.594.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.832.824.043)		49.611.739.771
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		48.683.452.124		17.550.986.304
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	76.246.735.904		58.695.553.376
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.582.415		196.224
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	124.937.770.443		76.246.735.904

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Loan

Huỳnh Quang Huy



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa,
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuộc hàng vận thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ lạnh hóa trong khe đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền quyết định
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽¹⁾	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thanh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

⁽¹⁾ Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ít hơn 50% nhưng Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị của công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty con" trên Báo cáo tài chính.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu lượng ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 409 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 414 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công Tân Cảng - Cầu Lái, phường Cầu Lái, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù đắp chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá tỷ kết trung hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp, tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng lượng mại nơi Công ty chi đình lãnh/ lượng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng lượng mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Che năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả); tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng; tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục liên tế có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác; tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả; tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là đơn vị nghiệp vụ sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phải tính.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu thì được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập từ công ty con tỷ lệ với mức trích lập bằng chính lịch giữa vốn góp thực tế của các bên tại và vốn chủ sở hữu được ghi nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Báo cáo tài chính của công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày lập (hoặc vào tài khoản) được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Vạn Cảng - Cầu Lầu, phường Cầu Lầu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BAO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại. Không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá thuần kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc vận chuyển chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm kế tiếp. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian sử dụng hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công Viên Công - Cát Lái, phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản vô định khác	3 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản vô định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến chi chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vào hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ chủ mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý công như chi phí liên quan đến việc sửa chữa lại sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Đàn chim Cánh Tân Cảng - Cầu Lái, phường Cầu Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (liên tục)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu liên quan tới liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán của nó theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm trừ hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm này.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế trước quân giá quyết phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu dự nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận 우선 cơ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phân ảnh giữa dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thuế thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Đại Lải, Phường Các Lải, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

toán, các chủ phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được hoãn trả này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất cơ sở thuế sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ lẫn nhau.

- 4. Công ty không quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành với thuế thu nhập hoãn lại hành phải nộp, và
- 5. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
 - Công ty do điều hành toàn thuế thu nhập hoãn lại hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành trên cơ sở thuế hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ lượng lại khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Báo liên quan

Liên hệ được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Liên hệ cũng được xem là báo liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể tương.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt làm giá vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có thể có và lợi ích khác biệt khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có thể có và lợi ích khác biệt khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cầu Lái, phường Cát Lái, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp dẫn tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỢ VẬN TẤN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng – Cầu Lái, phường Cầu Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	456,424,378	362,620,446
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,481,346,065	1,884,115,458
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	121,000,000,000	74,000,000,000
Cộng	124,937,770,443	76,246,735,904

Các khoản tương đương tiền tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú là 4,000,000,000 VND bị phong tỏa để đảm bảo chi các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cầu Lái ⁽ⁱ⁾	2.300.000	23.000.000.000	1.900.000	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Tấn Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾	108.000	1.080.000.000	108.000	1.080.000.000
Cộng		24.080.000.000		20.080.000.000

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151260 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cầu Lái 19.000.000,000 VND tương đương 7,50% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty mua lại 400.000 cổ phần của Công ty này từ Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tấn Cảng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cầu Lái 23.000.000.000 VND (2.300.000 cổ phần), tương đương 7,50% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314959597 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tấn Cảng Hiệp Lực 1.080.000.000 VND tương đương 36% vốn điều lệ. Từ ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con của Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Chiếm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái</i>		
Công ty cung cấp dịch vụ	489.290.272	1.254.800.852
Công ty con cung cấp dịch vụ	27.873.117.128	23.452.412.555
Cổ tức nhận được từ Công ty con	1.900.000.000	2.280.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực</i>		
Công ty cung cấp dịch vụ	3.471.326.782	3.234.014.549
Công ty con cung cấp dịch vụ	37.996.200	19.150.000
Cổ tức nhận được từ Công ty con	86.400.000	

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	32.155.598.653	49.053.429.435
Công ty TNHH Mọi thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	31.145.130.478	46.455.339.036
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	629.200	156.750
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		797.150.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	397.717.725	919.594.240
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	140.050.000	351.530.209
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	445.427.600	640.389.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biên Tân Cảng	6.050.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	7.393.650	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	13.200.000	
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		9.170.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	28.892.464.719	19.232.036.799
Công ty TNHH Ferline Việt Nam	1.004.347.079	762.248.886
Chi nhánh Công ty TNHH Toàn cầu Khai Minh	1.602.148.082	1.480.960.350
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tân Vĩnh Thịnh	2.106.926.157	654.937.129
Công ty TNHH Sulpert Transport Việt Nam	2.048.969.236	795.603.727
Công ty Cổ phần Eucocoev Việt Nam	1.018.714.000	
Công ty TNHH Vina Quốc tế Vận chuyển Hoàng Đế	1.139.266.879	576.150.279
Công ty Cổ phần Thái Minh	1.033.458.648	935.571.149
Công ty TNHH Mọi thành viên Tiếp Vận và Phân Phối Phương Đông	1.025.802.332	679.098.881
Các khách hàng khác	17.312.801.706	13.337.476.398
Cộng	61.048.063.372	68.285.466.234

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>464.700.000</i>	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	464.700.000	
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>3.682.898.427</i>	<i>668.610.248</i>
Công ty TNHH Cơ khí Nam Việt		513.034.248
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	3.348.000.000	
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Thành	186.000.000	
Công ty TNHH A.D.A		120.576.000
Các nhà cung cấp khác	108.898.427	35.000.000
Cộng	4.107.598.427	668.610.248

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>292.728.742</i>		<i>77.492.000</i>	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, phí làm hàng	241.666.000		77.492.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Tiền lương chi hộ	51.062.742			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.358.388.733</i>		<i>1.064.350.015</i>	
Phải thu BHXH, BHYT	12.647.521		32.791.562	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	526.122.222		221.541.667	
Tạm ứng	672.092.778		729.706.120	
Ký cược, ký quỹ	30.000.000		30.000.000	
Các khoản chi hộ	117.526.212		49.714.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác			596.606	
Cộng	1.651.117.475		1.141.842.015	

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
		<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>					
Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam	3 năm	129.156.004		129.156.004	
<i>Phải thu tiền làm hàng</i>		<i>129.156.004</i>		<i>129.156.004</i>	
Cộng		129.156.004		129.156.004	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (liếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	129.156.004		129.156.004
Trích lập dự phòng bổ sung			
Hoàn nhập dự phòng			
Số cuối năm	129.156.004		129.156.004

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.567.467.472		1.986.372.480	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	383.563.884	511.252.201
Chi phí sửa chữa tài sản	990.661.543	481.309.061
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.715.981.672	720.236.249
Cộng	3.090.207.099	1.712.797.511

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	651.587.368	1.385.104.175
Chi phí sửa chữa tài sản	7.873.074.113	891.099.436
Bảo hiểm phung tiện	126.545.454	544.145.454
Các chi phí trả trước dài hạn khác	537.060.280	935.807.271
Cộng	9.188.267.215	3.756.156.336

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cầu Lái, phường Cầu Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, chuyên dùng	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Chung
Nguyên giá	127.911.530,171	162.635.462,584	91.578.512,272	4.810.501,268	27.523.222,651	419.259.078,946
Số đầu năm			278.727,373		10.335.920,836	10.614.648,109
Mua trong năm			(453.857,196)		1.776.487,673	7.957.279,411
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.957.279,411					(453.857,196)
Thanh lý, nhượng bán						
Phân loại lại	(1.776.487,673)					
Số cuối năm	134.092.171,909	162.635.462,584	91.203.382,349	4.810.501,268	39.635.631,160	432.377.149,270
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		4.128.459,445	5.454.495,353	3.092.814,147	981.020,431	13.656.789,386
Chờ thanh lý						
Giá trị ban đầu	24.098.122,648	68.987.572,361	25.082.092,210	3.427.725,922	5.664.313,776	127.259.831,917
Số đầu năm	10.011.188,060	21.938.442,198	13.477.892,896	599.454,704	4.776.788,547	50.803.766,405
Khấu hao trong năm			(453.857,196)			(453.857,196)
Thanh lý, nhượng bán						
Phân loại lại	(81.734,449)				81.734,449	
Số cuối năm	34.027.576,259	90.926.019,559	38.106.127,910	4.027.180,626	10.532.836,772	177.609.741,136
Giá trị còn lại	101.813.257,523	93.647.885,233	66.296.420,062	1.382.775,346	21.858.908,875	286.999.247,029
Số đầu năm	100.064.595,650	71.709.463,025	53.097.254,439	783.320,642	29.112.794,388	254.767.408,144
Số cuối năm						
<i>Trong đó:</i>						
Tam (lợi) chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 182.933.457.134 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.149.631.800	(157.515.613)	1.992.116.187
Tăng do mua sắm trong năm			
Khấu hao trong năm		(431.447.363)	(431.447.363)
Số cuối năm	2.149.631.800	(588.962.976)	1.560.668.824

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 92.393.000 VNĐ

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm (tư sản cố định)		10.614.648.109	(10.614.648.109)	
Xây dựng cơ bản dở dang		7.957.279.411	(7.957.279.411)	
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái		4.818.181.818	(4.818.181.818)	
Công trình nhà văn phòng làm việc tại Cát Lái		3.139.097.593	(3.139.097.593)	
Cộng		18.571.927.520	(18.571.927.520)	

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa cơ hóa đous, chứng từ. Chi uế phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	698.968.611	1.823.849.597
Chi nhận vào kết quả kinh doanh	519.195.193	(1.124.880.986)
Phân sinh trong năm	1.218.163.804	698.968.611
Hoàn nhập trong năm	(698.968.611)	(1.823.849.597)
Số cuối năm	1.218.163.804	698.968.611

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá đo định giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>24,301,317,991</i>	<i>27,177,935,530</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	10.359.426.009	15.413.918.618
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	5.234.289.280	2.951.825.395
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	41.795.820	21.065.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	218.105.030	1.054.079.070
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	1.025.113.650	227.174.640
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.741.208.505	1.256.556.940
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	290.585.181	3.241.906.740
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	215.300.000	217.809.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	188.139.996	36.367.155
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.561.977.070	679.213.791
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Lớn Cảng	329.890.420	325.890.420
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.041.798.450	981.010.523
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	719.745.380	
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	38.316.300	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đông Nai	5.400.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	71.573.700	9.310.400
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asaco		761.777.830
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	222.651.200	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>14,121,033,739</i>	<i>11,388,325,266</i>
Hợp tác xã Vận tải Xếp dỡ Cơ giới Đại Thành	1.949.918.080	1.381.290.381
Công ty Cổ phần Xếp dỡ Hải Mười Hai	1.046.625.199	1.421.554.698
Công ty Cổ phần Vận tải Vĩnh Đức	1.098.081.820	928.465.780
Công ty TNHH Đông Nam Tyres		979.338.800
Công ty Cổ phần Thương Mắm Thuận Nam	703.550.000	2.799.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Việt Toàn Cầu	4.538.547.000	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang	1.406.344.280	
Các nhà cung cấp khác	3.037.917.360	3.878.675.627
Cộng	38,421,351,730	38,566,260,796

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	553.462.807		23.790.535.450 (23.379.897.088)		964.101.269	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.105.705.963		14.945.662.261 (15.685.705.963)		5.365.662.261	
Thuế thu nhập cá nhân		360.532.575	2.349.901.309 (1.360.733.505)		628.835.159	
Các loại thuế khác			5.000.000 (3.000.000)			
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		50.640.948	394.126.269 (343.485.301)			
Cộng	3.659.168.870	410.973.523	41.483.225.129 (37.772.821.857)		6.958.599.689	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm này	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.315.601.666	54.437.380.863
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.399.109.637	(2.948.328.722)
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.901.535.107	5.342.002.942
Chi phí không hợp lý hợp lệ	2.510.519.863	1.847.248.121
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ	6.090.819.020	3.194.843.053
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của niên trước đã thực hiện trong năm này	196.224	1.706
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.502.425.470)	(8.290.421.661)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của niên và các khoản phải thu	(7.532.475)	(196.224)
Chi phí trích trước năm trước năm này đã có hóa đơn chứng từ	(3.434.843.055)	(8.290.225.400)
Thu nhập chịu thuế	76.714.711.303	51.489.061.142
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(1.986.400.000)	(2.280.000.000)
Thu nhập tính thuế	74.728.311.303	49.209.061.142
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	14.945.662.261	10.825.993.451
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.945.662.261	10.825.993.451

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	184.362.750	10.133.100
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí xếp dỡ	184.362.750	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí vệ sinh container		10.133.100
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.850.456.270	4.492.965.719
Chi phí lãi vay phải trả		1.008.255.764
Chi phí quà tặng khách hàng		127.946.000
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	354.693.000	1.692.541.525
Chi phí thuế khóa	195.000.000	
Chi phí trang phục		586.263.000
Chi phí cho người lao động	4.158.336.364	969.100.000
Các chi phí khác	142.426.906	108.859.430
Cộng	5.034.819.020	4.503.098.819

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	539.798.141	426.597.167
Bảo hiểm xã hội	1.234.140.198	1.216.068.777
Bảo hiểm y tế	60.526.481	62.012.614
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	165.000.000	195.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.787.740.895	761.993.040
Tiền hoa hồng môi giới	106.349.445	
Các khoản phải trả người lao động	239.347.864	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	770.359.142	314.096.861
Cộng	4.903.562.166	2.975.768.459

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	22.330.000	
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	25.020.078.720	26.397.129.878
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V 17b)	25.020.078.720	26.397.129.878
<i>Ngân hàng BPCE UOM - Chi nhánh Hồ Chí Minh (216.666 USD)</i>		4.881.484.980
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú</i>	25.020.078.720	21.515.644.898
Cộng	25.020.078.720	26.397.129.878

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chỉ tiêu số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	26.397.129.878	18.510.474.048
Số tiền vay phát sinh		
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	25.020.078.720	26.397.129.878
Số tiền vay trả	(26.397.129.878)	(18.510.474.048)
Số cuối năm	25.020.078.720	26.397.129.878

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	104.947.135.127	115.931.268.867
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽¹⁾	104.947.135.127	115.931.268.867

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay sau:

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 419.14.151.223341.TD ngày 14 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng kỳ gốc nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 01 xe nâng container Kolmar Reachstacker model DR 150. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 498.14.151.223344.TD ngày 23 tháng 7 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng kỳ gốc nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư mua 10 xe dẫn kéo hiệu Teberg model YT220 MHH đang trong công. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 562.14.151.223344.TD ngày 19 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng kỳ gốc nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án Nhà văn phòng Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 593.14.151.223344.TD ngày 30 tháng 9 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng kỳ gốc nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án "Đầu tư xây dựng kho CPS tại Cảng Cầu Lái". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền khai thác và đặc theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1939/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHD ngày 15 tháng 3 năm 2014. Thuê đất xây dựng kho kỹ giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty tại Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CPS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 848.14.151.223344.TD ngày 26 tháng 11 năm 2014 trong thời hạn 10 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư mua 2 cầu khung bánh lốp RTG 6+1 hiệu Kalmar.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 50.15.151.223344.TD ngày 21 tháng 3 năm 2015 trong thời hạn 5 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 30 xe tải kéo và 45 xe tải container. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp phương tiện số 94.15.151.223344.BH ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 22671.16.151.223344.TD ngày 25 tháng 10 năm 2016 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 6 xe đầu kéo chạy nội bộ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 182.15.151.223344.TG ngày 09 tháng 10 năm 2015; trị giá 4.000.000.000 VND và được giải ngân trong năm 2017.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	25.020.078.720	26.397.129.878
Trên 1 năm đến 5 năm	83.615.905.767	84.614.129.387
Trên 5 năm	31.331.229.360	31.517.139.480
Cộng	129.967.213.847	142.528.398.745

Chiều phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	115.931.268.867	59.279.390.962
Số tiền vay phát sinh	15.606.820.200	88.287.349.307
Chiếm lệch tỷ giá do chênh giá trị số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm		278.199.144
Số tiền vay đã trả	(1.570.875.220)	(5.516.540.668)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(25.020.078.720)	(26.397.129.878)
Số cuối năm	104.947.135.127	115.931.268.867

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khion thường, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khion thường	1.974.390.003	2.844.456.730	242.000.000	(2.238.000.000)	2.822.646.733
Quỹ phúc lợi	1.973.901.614	5.658.813.460		(3.581.982.500)	4.050.832.574
Quỹ hương Dân quân lý, điều hành	500.000.000	500.000.000		(500.000.000)	500.000.000
Cộng	4.450.291.617	9.033.370.190	242.000.000	(6.320.182.500)	7.405.479.307

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂM CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	32.530.492.697	90.524.214.028	223.074.706.725
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	19.991.910.000		(39.991.910.000)	
Phát hành cổ phiếu thường	9.990.670.000	(9.990.670.000)		
Lợi nhuận trong năm trước			42.486.515.427	42.486.515.427
Trích lập các quỹ trong năm trước		4.218.651.543	(11.246.238.497)	(6.997.578.954)
Chia cổ tức			(14.998.258.000)	(14.998.258.000)
Số dư cuối năm trước	149.982.580.000	26.808.474.240	66.774.330.958	243.565.385.198
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	26.808.474.240	66.774.330.958	243.565.385.198
Lợi nhuận trong năm nay			56.889.134.598	56.889.134.598
Trích lập các quỹ trong năm nay		5.688.913.460	(14.722.283.650)	(9.033.370.190)
Chia cổ tức			(22.497.387.000)	(22.497.387.000)
Số dư cuối năm nay	149.982.580.000	32.497.387.700	86.443.794.906	268.923.762.606

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

Tinh hình góp vốn diễn lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ của phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	59,01%	88.500.000.000	
Các cổ đông khác	61.482.580.000	40,99%	61.482.580.000	
Cộng	149.982.580.000	100%	149.982.580.000	

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.998.258	14.998.258
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.258	14.998.258
Số lượng ảnh phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-DHCD ngày 27 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 22.497.387.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 5.688.913.460
• Trích quỹ khen thưởng	: 2.844.456.730
• Trích quỹ phúc lợi	: 5.688.913.460
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	: 500.000.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	17.430,84	163,07

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cáo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (liếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán nhiên liệu	265.500.000	267.560.629
Dịch vụ bốc xếp container	118.177.070.949	84.623.691.653
Dịch vụ bốc xếp bãi	104.043.719.931	116.116.539.908
Dịch vụ bốc xếp kho	195.932.707.626	158.354.820.310
Dịch vụ lưu bãi	7.488.304.580	7.202.751.111
Dịch vụ thuê kho	9.466.994.952	10.022.768.743
Dịch vụ sửa chữa container	5.095.111.181	659.403.398
Doanh thu cho thuê xe nâng, xe đầu kéo	27.501.371.884	17.850.410.691
Doanh thu dịch vụ khác	863.369.927	2.236.638.945
Cộng	<u>468.834.051.030</u>	<u>397.334.635.391</u>

b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	174.635.325.192	172.020.891.836
Công ty Cổ phần Đại lý Container Nhật Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Công ty cung cấp dịch vụ	5.047.500	15.732.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Công ty cung cấp nhiên liệu	311.500.000	780.416.184
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
Công ty cung cấp dịch vụ	3.934.358.888	4.303.327.643
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng		
Công ty cung cấp dịch vụ	5.500.000	
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Công ty cung cấp dịch vụ		34.136.364
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu		
Công ty cung cấp dịch vụ	6.721.500	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình		
Công ty cung cấp dịch vụ	340.718.182	

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại		515.328.240

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TẤN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán nguyên vật liệu	265.500.000	202.714.343
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	347.340.082.766	304.066.949.047
Cộng	347.605.582.766	304.269.663.390

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.571.855.547	2.630.937.807
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.798.400	14.821.516
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.986.400.000	2.280.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	43.046.335	671.817.375
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.582.415	
Cộng	6.628.682.697	5.597.576.698

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.249.565.409	8.125.625.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.207.778	1.701.667.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		278.002.920
Cộng	12.252.773.187	10.105.295.964

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.119.127.720	272.768.517
Các chi phí khác	3.238.319.134	2.665.840.838
Cộng	5.357.446.854	2.938.609.355

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.198.440.084	11.344.111.097
Chi phí vật liệu quản lý	456.900.915	430.806.460
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.194.617.202	1.220.779.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.034.759.786	659.131.747
Thuế, phí và lệ phí	108.941.650	244.268.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.959.522.720	5.204.870.773
Các chi phí khác	16.876.288.240	11.272.579.941
Cộng	38.829.470.597	32.376.547.341

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TẤN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	53.000.000	
Thu tiền hỗ trợ đi đời		12.011.349.136
Tiền bán thanh lý phế liệu	605.000.000	2.064.090.909
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	388.649.711	92.950.354
Thu tiền bán hồ sơ thầu	10.000.001	9.090.910
Chi phí hoa hồng không phải chi trả		138.540.000
Tiền bồi thường bảo hiểm	67.000.000	
Thu nhập khác	24.416.095	4.762.001
Cộng	1.148.065.807	14.320.783.310

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi đời		12.010.252.022
Chi phí bồi thường tổn thất	448.466.691	454.266.636
Thưởng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	407.300.594	35.744.873
Thuế bị phạt, bị truy thu	394.126.249	109.837.869
Chi phí khác	30.930	59.845
Cộng	1.249.924.464	12.610.161.245

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	698.968.611	1.823.849.597
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.218.163.804)	(698.968.611)
Cộng	(519.195.193)	1.124.880.986

11. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.811.954.003	26.712.473.265
Chi phí nhân công	109.503.783.398	100.723.407.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.235.233.768	40.626.631.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.301.962.014	141.244.717.324
Chi phí khác	28.674.087.037	30.074.826.497
Cộng	391.527.000.217	339.382.105.743

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LIU CHUYỂN TIỀN TỆ

I. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức bằng cổ phiếu		39.991.910.000
Phát hành cổ phiếu (lượng)		9.990.670.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên nội thất trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.066.457.777	1.988.591.229
Tiền thưởng	1.233.542.223	1.011.408.771
Cộng	3.300.000.000	3.000.000.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Công ty Cổ phần Tập Vận Cát Lái

Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực

Công ty TNHH Một thành viên JCO Tân Cảng - Sông Phần

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng

Công ty Ưở phẩm Đợt lý Giấc ngủ vận tải Kếp dỡ Tân Cảng

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng

Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép

Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty con

Cộng ty con

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công Tân Cảng - Cầu Lộ, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DDC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container-Lưu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tảo Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asaco	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1h, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	10.241.222.130	6.017.513.000
Cung cấp cho thuê cơ sở hạ tầng	15.000.000.000	14.950.000.000
Cung cấp cho thuê dịch vụ vệ sinh	2.842.925.770	2.408.888.313
Cung cấp cho thuê phương tiện	1.776.000.000	2.592.110.200
Cung cấp nước, điện, nước, khử trùng nước	2.087.271.594	2.409.865.283
Chi trả cổ tức cho Công ty mẹ	13.275.000.000	8.850.000.000
Tài trợ bằng cổ phiếu cho Công ty mẹ		29.500.000.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sông Thuận		
Cung cấp dịch vụ	3.521.574.100	1.880.934.800
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công Trình Tân Cảng		
Chi phí xây dựng kho	4.545.454.545	26.329.043.333
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	4.185.533.500	6.721.891.946
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	10.137.168.197	11.784.005.000
Mua sắm tài sản cố định		789.000.000
Thanh lý tài sản		986.363.636

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, (đầu phố Hồ Chí Minh)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vận tải Mỹ Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	6.560.494.782	2.090.702.260
Thanh lý tài sản		350.000.000
Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	4.000.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	655.131.510	341.080.740
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		
Cung cấp dịch vụ	3.457.486.000	4.799.839.300
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước		
Cung cấp dịch vụ		10.564.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	2.382.098.004	1.087.265.400
Mua sắm tài sản cố định hữu hình	3.593.355.727	5.327.395.000
Mua sắm tài sản cố định vô hình		457.236.800
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC		
Cung cấp dịch vụ	334.765.500	292.492.523
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu		
Cung cấp dịch vụ	202.412.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asuca		
Cung cấp dịch vụ	2.145.728.900	8.079.162.200
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng		
Mua xăng dầu	8.355.674.355	
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	171.726.500	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Núi		
Cung cấp dịch vụ	4.909.091	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước		
Cung cấp dịch vụ	221.826.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		
Cung cấp dịch vụ	246.550.000	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13 và V.15

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán hàng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo hợp phần chính yếu là theo hình thức kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất dịch vụ cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bốc xếp
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí liên không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bốc xếp	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	418.153.498.506	50.680.552.524	468.834.051.030
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	418.153.498.506	50.680.552.524	468.834.051.030
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	107.354.151.461	13.874.516.603	121.228.668.064
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(44.186.917.451)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			77.041.750.613
Doanh thu hoạt động tài chính			6.628.682.697
Chi phí tài chính			(12.252.773.187)
Thu nhập khác			1.148.065.807
Chi phí khác			(1.249.924.464)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(14.945.662.261)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			519.195.193
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			56.889.114.598
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	28.157.651.611	526.595.436	28.684.247.047
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	39.099.624.538	16.815.797.878	55.915.422.416
Tổng giá trị các khoản chi phí liên không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	358.999.723.631	37.819.583.520	396.819.307.151
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	358.999.723.631	37.819.583.520	396.819.307.151
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	85.729.032.166	8.820.611.595	92.549.643.761
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(35.315.156.696)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			57.234.487.065
Doanh thu hoạt động tài chính			5.597.576.698
Chi phí tài chính			(10.105.295.964)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂM CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực bậc xếp	Lĩnh vực khác	Cộng
Thu nhập khác			14.320.783.310
Chi phí khác			(12.610.161.245)
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp liên hành			(10.825.993.451)
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp luân lưu			(1.124.880.986)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			42.486.515.427
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	139.347.483.631	14.514.141.120	153.861.624.751
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	37.741.644.752	6.695.728.713	44.437.373.465
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực bậc xếp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	261.262.741.871	73.937.782.678	335.200.524.549
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.472.633.114	178.484.361	1.651.117.475
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			150.235.934.247
Tổng tài sản			487.087.576.271
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	123.888.271.396	37.296.856.469	161.185.127.865
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	10.042.234.739	1.217.127.220	11.259.361.959
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			45.719.923.841
Tổng nợ phải trả			218.163.873.665
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	312.199.174.124	27.967.791.293	340.166.965.417
Tài sản phân bổ cho bộ phận	24.116.823.301	2.540.637.551	26.657.460.852
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			97.025.700.515
Tổng tài sản			463.850.130.074
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	166.749.896.251	16,657.877.182	183.407.773.433
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	11.425.518	7.203.645	12.629.163
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			36.864.142.280
Tổng nợ phải trả			220.284.744.870

2h. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản tóm tắt minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty xử lý rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tín chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH Mọi Thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn với số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 51% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 68%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đủ quá hạn nhưng không giảm giá	Đủ quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.937.770.443				124.937.770.443
Phải thu khách hàng	60.918.907.368			129.156.004	61.048.063.372
Các khoản phải thu khác	979.024.697				979.024.697
Cộng	186.835.702.508			129.156.004	186.964.858.512
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.246.735.904				76.246.735.904
Phải thu khách hàng	68.156.340.230			129.156.000	68.285.496.234
Các khoản phải thu khác	301.255.667				301.255.667
Cộng	144.704.331.801			129.156.004	144.833.487.805

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thời tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải về tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán ngắn hạn và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các tài sản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phải sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công Tân Cảng - Cầu 1 cũ, phường Cầu Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cáo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	38.422.351,730			38.422.351,730
Vay và nợ	25.020.078,720	83.615.905,767	21.331.229,360	129.967.213,847
Các khoản phải trả khác	6.076.527,607			6.076.527,607
Cộng	69.518.958,057	83.615.905,767	21.331.229,360	174.466.093,184
Số đầu năm				
Phải trả người bán	38.566.260,796			38.566.260,796
Vay và nợ	26.397.129,878	81.614.129,387	31.317.139,880	149.328.398,745
Các khoản phải trả khác	4.805.088,720			4.805.088,720
Cộng	69.768.479,394	81.614.129,387	31.317.139,880	182.699.748,261

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đầu hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các tổng tiền trung tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: tỷ lệ ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các tổng tiền trung tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để ưu bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.430,84	103,07
Vay và nợ		(216.566,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	17.430,84	(216.502,93)

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.000.000.000	74.000.000.000
Vay và nợ	(142.328.398.745)	(137.446.913.705)
Nợ phải trả thả nổi	(21.328.398.745)	(63.446.913.705)

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn theo hợp đồng số 182.15.151.223344 ngày 09 tháng 10 năm 2015 để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V.1 và V.17). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 4.000.000.000 VNĐ.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Trị phòng	Giá gốc	Trị phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.937.770.443		76.246.735.904	
Phải thu khách hàng	01.018.063.372	(129.156.004)	68.285.466.234	(129.156.004)
Các khoản phải thu khác	979.021.697		301.255.667	
Cộng	186.964.855.512	(129.156.004)	144.833.457.805	(129.156.004)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tái chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	38.422.351.730	38.566.260.796
Vay và nợ	129.967.213.847	142.328.398.745
Các khoản phải trả khác	6.076.527.607	4.805.088.720
Cộng	174.466.093.184	185.699.748.261

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên

Kê toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Bùi Quang Huy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẬN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Công ty và các công ty con").

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh bốn lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần cuối tư vào ngày 27 tháng 3 năm 2015 do thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08 37 423 929.
- Fax : 08 37 423 929.
- E-mail : khoavantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuộc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phùng Ngọc Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Năng Toàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Năng Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Truân Văn Mười	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Vũ Ngọc Høy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Huỳnh Thế Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Quang Huy	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2009
Ông Lê Hữu Trường	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2016
Ông Trần Minh Lăng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2011
Ông Trần Quang Thảo	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2014
Ông Nguyễn Duy Thuần	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Huy (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2009).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định làm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty và các công ty con.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh, hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các khoản mục kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được miễn trừ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở lưu động liên tục trừ trường hợp không thể chắc rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro cơ sở số trọng yếu bị gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán lịch sử hợp nhất được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và các công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và các công ty con và dự định đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,


Bùi Quang Huy
Ngày 3 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A&C ACCOUNTING & CONSULTING CO., LTD.



Headquarters: 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5477970
Branch in Hà Nội: 40 Lê Hồng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khánh Dư St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ: 13-11 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 141/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kho và Lũn Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Công ty và các công ty con"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về cáo số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên cơ sở khả năng cạnh tranh yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.216.829.287	198.409.562.417
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	134.244.599.664	83.635.769.148
1. Tiền	111		11.244.599.664	6.635.769.148
2. Các khoản tương đương tiền	112		123.000.000.000	77.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.043.000.782	103.358.695.311
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	100.231.499.611	97.379.233.442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.195.676.927	757.138.748
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.744.980.218	5.351.179.125
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(129.156.004)	(129.156.004)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.654.392.746	1.986.372.480
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.654.392.746	1.986.372.480
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.274.836.095	9.428.725.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.365.690.667	3.689.551.040
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		871.121.772	5.203.301.979
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	38.023.656	535.872.459
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÔ VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		419.948.929.650	433.635.530.021
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		406.522.468.037	366.485.818.380
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	404.922.443.660	364.440.346.642
Nguyên giá	222		628.483.308.745	517.438.931.159
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(223.563.065.079)	(152.998.584.517)
2. Tài sản cố định thuê (ái chính)	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.600.024.371	2.045.471.738
Nguyên giá	228		2.219.631.800	2.219.631.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(619.607.429)	(174.160.062)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	60.310.981.089
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	60.310.981.089
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		916.812.770	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	916.812.770	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.509.648.843	6.838.730.552
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8h	11.291.485.039	6.139.761.941
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.218.163.804	698.968.611
3. Chiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		673.165.758.937	632.045.092.438

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Chuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		373.426.380.423	356.560.301.014
I. Nợ ngắn hạn	310		169.706.825.437	164.490.884.882
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	49.119.425.075	66.728.185.501
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.834.453.985	5.864.430.109
4. Phải trả người lao động	314		29.629.050.538	27.376.662.131
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.593.303.457	5.490.863.847
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	7.937.376.079	4.073.943.925
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	59.333.629.852	49.639.974.920
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	8.259.586.451	5.316.824.449
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		203.719.554.986	192.069.416.132
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.643.942.981	8.621.612.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	195.075.612.005	183.447.803.151
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỌP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cấu đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		299.739.378.514	275.484.791.424
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	299.739.378.514	275.484.791.424
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
- Cổ phiếu phổ thông đã quyền biểu quyết	411a		149.982.580.000	149.982.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.823.275.467	28.464.598.427
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.502.990.723	69.344.612.902
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		46.915.787.667	69.344.612.902
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.587.203.056	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.030.532.324	27.693.000.095
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		673.165.758.937	632.045.092.438

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Vạn Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	622.754.261.336	524.568.651.234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	120.113.261	540.273.959
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		622.634.148.075	524.028.377.265
4. Giá vốn bán hàng	11	VI.3	477.742.130.294	413.928.339.027
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		144.892.017.781	110.100.140.238
6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	VI.4	4.764.149.813	3.404.507.883
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	18.726.221.306	14.735.723.336
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.521.968.094	12.558.499.492
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(83.187.230)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.887.529.073	3.496.576.668
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	44.464.263.229	36.963.551.918
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.494.966.556	58.308.796.199
12. Thu nhập khác	31	VI.8	584.332.191	14.474.851.163
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.535.645.789	13.578.949.134
14. Lợi nhuận khác	40		(951.413.598)	895.962.029
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79.543.552.958	59.204.698.228
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.14	17.064.569.574	12.384.830.356
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(519.195.193)	1.124.880.986
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.999.178.577	45.694.986.886
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		59.096.701.953	42.758.883.960
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.901.476.624	2.936.101.926
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3.309	2.370
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	3.309	2.370

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CĂNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cái Lái, phường Cái Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp giá trị gốc)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		79.543.552.958	59.204.698.228
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	71.063.785.125	53.485.629.650
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(7.705.161)	173.499.631
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.831.634.641)	(2.687.673.918)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	18.521.968.094	12.558.499.192
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		164.889.966.375	123.034.633.083
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		687.992.511	7.998.602.566
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		331.979.734	19.168.335
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.820.851.821)	6.525.271.116
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.827.862.725)	(2.381.355.863)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.505.391.754)	(11.867.281.885)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(14.245.187.873)	(12.022.672.164)
- Tiền tài trợ từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	1.330.900.000	1.088.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(8.211.075.818)	(9.152.601.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		115.630.468.629	103.672.284.048
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(65.045.673.021)	(195.604.655.167)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	53.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	13.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(1.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.366.357.982	2.608.776.696
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(62.626.315.042)	(179.995.858.471)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TẤN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Vạn Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	96.089.700.213	150.151.991.127	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(74.768.236.127)	(42.887.537.210)	
5. Tiền trả nợ gốc thuế (ái chính)	35		-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.725.239.145)	(14.648.594.820)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>(2.403.775.359)</u>	<u>92.615.859.097</u>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		50.600.378.228	16.292.284.674	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	83.635.769.148	67.345.019.601	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.452.288	(1.535.127)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>134.244.599.664</u>	<u>83.635.769.148</u>	

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan



Đào Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý (lớn) thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (tủ đóng gói thuộc bao vệ thủng vật),
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa,
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đóng kiện, dịch vụ đại lý tàu biển /

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty và các công ty con

Công ty và các công ty con bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc Công ty và các công ty con

Mua thêm vốn góp tại công ty con

Ngày 05 tháng 05 năm 2016, Công ty đã mua thêm 10% cổ phần của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 57,5% từ ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, phường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	47,5%	57,5%	47,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽¹⁾	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thanh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bóc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36%	36%	36%	36%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cầu Lái, phường Cầu Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo quyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lạc chỉ hơn 50% nhưng Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị của công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lạc bị Công ty kiểm soát và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lạc được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này.

5c. **Công ty liên kết được phân ảnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lạc chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh có trụ sở chính tại thửa đất số 7,8,9,12, tờ bản đồ số 15, Khu kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là: sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải: vận tải lương hỏa đường bộ, đường thủy, bốc xếp hàng hóa: khai bãi và lưu trữ lương hỏa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lạc vào công ty liên kết theo số vốn thực góp là 50%, theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty và Công ty con tại công ty liên kết là 18%.

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chỉ số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty và các công ty con có 658 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 650 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong-kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty và các công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 702/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 702/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty mẹ là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát và tính đến quyền hiệp quyết định nâng phát sinh từ các quyết định mua hoặc các công cụ nợ có công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở phần riêng nên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần số hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả những hợp số lỗ đã làm hết phần số hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư sở hữu tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư thuần và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch hàng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh hàng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục liên hệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chi phí lịch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch hàng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chi phí lịch tỷ giá dự đoán giá trị các khoản mục liên hệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÀN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2 thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 (tháng 12) năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo ngày 31 sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trung việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Anh hùng đang kế thực hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản lâu dài của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty và các công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập đồng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi hình sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có thể chất mua - bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi của các đơn vị dựa vào quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi của phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí cố liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền/ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính của thuế các loại thu, chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ Công Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số đo dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và các công ty con chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuế tài sản được phân loại là thuế hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuế hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời gian thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định (nhiều thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng). Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này khác chứng minh tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÔ VẬN TẦN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Yên Cảng - Cát Lái, phường Cầu Lộ, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

ĐẠO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định và hình

Tài sản cố định và hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định và hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm mua tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định và hình phải có lợi ích cho nhân viên đều được ghi nhận là chi phí tài chính, trừ doanh nghiệp tự bỏ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định và hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Giá trị của tài sản cố định và hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phải sinh ra thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định và hình của Công ty và các công ty con là chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con bỏ chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xảy ra ngay cơ hội đầu tư

Chi phí xảy ra ngay cơ hội đầu tư được phân loại các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay và lãi thanh toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và các công ty con) liên quan đến đầu tư trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, đầu tư và quản lý công trình chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang được luận. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phải sinh hoặc đã được nhận và các công cụ vốn do Công ty và các công ty con phải thanh đổi để lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá ghi khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty và các công ty con không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được hình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được hình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phải chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phải chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch (có) hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong tài sản hữu hình của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận và ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị hợp lý thấp hơn tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng kinh doanh đang kiểm soát

Công ty và các công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và các công ty con liên sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và các công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho công nhân, dịch vụ đã mua được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương, nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phí tiền lệ năm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng chi trả cả tức như là do đánh giá lại tài sản mua đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phí tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÔ VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi không điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và các công ty con đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận theo cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại phát sinh cũng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm này mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm này.
- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã xảy ra hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂM CƯỜNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH LIỢP NIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu dự nó tương phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào hàn chắt và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tạm thuế. Thu nhập tạm thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng của năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản nợ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được kỳ tử hóa.

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan cơ sở thuế hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bản liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu chúng chấp sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chức năng tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ tương tự với một môi trường kinh tế cụ thể (liễu và cơ rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác).

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty và các công ty con gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty và các công ty con sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty và các công ty con:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho đến tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1,175,242,725	1,008,499,691
Tiền gửi ngân hàng	10,069,356,939	5,627,259,457
Các khoản tương đương tiền	123,000,000,000	77,000,000,000
Cộng	134,244,599,664	83,635,769,148

Các khoản tương đương tiền tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng số 182.15.151.223344 ngày 09 tháng 10 năm 2015 tại Ngân hàng TMCP Quân đội là 1.000.000.000 VND bị phong tỏa để đảm bảo cho các khoản vay tại này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty và các công ty con chỉ có đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh. Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	1.000.000.000	
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(83.187.230)	
Cộng	916.812.770	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901222613 ngày 22 tháng 04 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh 7.200.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã đầu tư 1.000.000.000 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực trong số vốn điều lệ thực góp của Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh là 50%. Vốn điều lệ của phải đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh là 6.200.000.000 VND.

Liên hệ với công ty liên kết

Trong năm Công ty và các công ty con chỉ phát sinh giao dịch góp vốn vào Công ty liên kết với số tiền là 1.000.000.000 VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	41.754.063.953	49.828.734.547
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng-Sài Gòn	40.557.872.577	47.860.393.557
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	2.530.000	156.750
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	11.220.000	797.350.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	397.717.725	919.594.240
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		3.960.000
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	14.630.000	247.270.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	6.050.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hòa	11.601.650	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Long Bình	13.200.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	359.832.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	93.225.000	
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng Chũ Mệp	235.235.000	
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng - Long Bình	50.950.000	
Phải thu các khách hàng khác	58.477.435.659	47.550.508.895
Công ty TNHH Ecaline Việt Nam	1.004.347.079	762.248.886
Chi nhánh Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh	1.002.148.082	1.480.960.350
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tân Vĩnh Thịnh	2.106.926.157	664.927.129
Công ty TNHH Thương mại & Giao nhận Vận tải Đại Sơn	1.492.620.000	4.782.910.000
Công ty Cổ phần Fococov Việt Nam	1.618.744.600	
Công ty TNHH Một thành viên Imopack Việt Nam	7.293.025.526	6.442.375.000
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	7.922.772.113	5.650.778.825
Công ty TNHH Tiếp Lục		180.576.000
Các khách hàng khác	35.436.852.102	27.585.732.705
Cộng	100.231.499.611	97.379.233.442
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	464.700.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	464.700.000	
Trả trước cho các người bán khác	3.730.276.927	757.438.748
Công ty TNHH Cơ khí Nam Việt		513.034.248
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	3.348.000.000	
Công ty TNHH A.D.A		120.576.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh		35.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Thuận	186.000.000	
Công ty TNHH TM DV Long Đại Phát	73.078.500	73.078.500
Evergreen Shipping Agency Corporation		750.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á	15.000.000	15.000.000
Các nhà cung cấp khác	108.898.427	
Cộng	4.195.676.927	757.438.748

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, (hàng phố Hồ Chí Minh)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	492.495.077		585.312.498	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - tiền ăn ca, phí làm hàng	492.495.077		184.492.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Tân Cảng – Lỗ của hoạt động hợp đồng hợp tác kinh doanh			400.820.498	
Phải thu các tổ chức và cá nhân	3.252.485.171		4.765.866.027	
Phải thu BHXH, BHYT	12.647.521		32.791.562	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	528.333.333		232.869.444	
Ký cược, ký quỹ	862.332.000		342.932.000	
Tạm ứng	2.698.729.085		2.571.715.517	
Các khoản chi lộ	1.126.941.209		695.902.055	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra chưa kê khai	402.023		871.679.403	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	23.100.000		17.976.646	
Cộng	5.744.980.248		5.351.179.125	

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác					
Công ty TNHH Aslan Groupage Services Việt Nam	3 năm	129.156.004		129.156.004	
Phải thu tiền bán hàng		129.156.004		129.156.004	
Cộng		129.156.004		129.156.004	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	129.156.004		129.156.004
Trích lập dự phòng bổ sung			
Hoàn nhập dự phòng			
Số cuối năm	129.156.004		129.156.004

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	86.925.274			
Nguyên liệu, vật liệu	1.567.467.472		1.986.372.480	
Cộng	1.654.392.746		1.986.372.480	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	2.282.627.199	1.616.588.310
Chi phí sửa chữa tài sản	997.466.608	481.309.061
Chi phí bảo hiểm	991.069.831	807.985.423
Chi phí vé cầu đường	265.909.091	
Chi phí đồng phục	36.469.599	33.431.997
Chi phí thuê phương tiện		30.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.792.148.339	720.236.249
Cộng	6.365.690.667	3.689.551.040

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.757.559.295	2.460.830.099
Chi phí sửa chữa nhà cửa, kho bãi	8.022.551.108	939.674.029
Chi phí sửa chữa lớn máy móc thiết bị, phương tiện vận tải		190.372.604
Bảo hiểm phương tiện	126.545.454	544.145.454
Chi phí thuê bãi	718.545.467	988.000.007
Các chi phí trả trước dài hạn khác	666.283.715	1.016.739.748
Cộng	11.291.485.039	6.139.761.941

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TẤN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	127.911.380.171	164.149.708.724	192.253.416.106	4.810.501.268	28.303.924.890	517.428.931.159
Mua trong năm	657.630.000	91.536.593.626	704.550.909	110.400.000	10.543.960.836	103.549.135.371
Đầu tư XDCH hoàn thành	7.957.279.111		(453.857.196)			7.557.379.411
Thanh lý, nhượng bán	(1.776.487.673)				1.776.487.673	(453.857.196)
Phân loại lại						
Số cuối năm	134.749.820.905	255.676.302.350	192.514.109.819	4.920.901.268	40.824.373.599	628.485.508.745
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		4.322.139.445	5.454.495.363	3.092.814.147	1.109.020.431	13.969.474.386
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	34.098.122.648	69.639.698.235	49.996.846.146	3.427.725.922	5.836.191.566	152.998.584.517
Khấu hao trong năm	10.072.842.740	29.753.465.369	25.628.108.770	608.654.704	4.945.265.975	71.018.337.758
Thanh lý, nhượng bán	(81.734.449)		(453.857.196)		81.734.449	(453.857.196)
Phân loại lại						
Số cuối năm	34.089.230.939	99.403.163.804	75.171.097.720	4.036.380.626	10.863.191.990	223.563.065.079
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	103.813.257.523	94.510.010.489	142.266.569.960	1.382.775.346	22.467.733.324	564.440.346.642
Số cuối năm	100.660.590.970	156.273.138.546	117.343.012.099	884.520.642	29.761.181.409	404.922.443.666
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Mỗi số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 327.071.942.475 VND đã được kiểm toán, cầm số để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chu kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.219.631.800	(174.160.062)	2.045.471.738
Tăng do mua sắm trong năm			
Khấu hao trong năm		(445.447.367)	(445.447.367)
Số cuối năm	2.219.631.800	(619.607.429)	1.600.024.371

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	60.310.981.089	41.232.174.282	(103.543.155.371)	
Xây dựng cơ bản dở dang		7.957.279.411	(7.957.279.411)	
Công trình nhà kho 2 tầng lại Cảng Cát Lái 2000 m ²		4.818.181.818	(4.818.181.818)	
Công trình nhà văn phòng làm việc lại Cát Lái		3.139.097.593	(3.139.097.593)	
Cộng	60.310.981.089	51.189.453.693	(111.500.434.782)	

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	698.968.611	1.823.849.597
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	519.195.193	(1.124.880.986)
Phát sinh trong năm	1.218.163.804	698.968.611
Hoàn nhập trong năm	(698.968.611)	(1.823.849.597)
Số cuối năm	1.218.163.804	698.968.611

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phải sinh nhỏ.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	24.034.000.214	28.446.518.731
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	-	350.939.240
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	218.105.030	1.054.079.070
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sông Thần	1.097.427.650	227.174.640
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.774.151.199	2.067.766.436

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	13.732.209.832	18.128.354.094
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Phước	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Tân Cảng	353.360.181	3.258.406.740
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	315.300.000	238.179.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	188.139.996	77.038.155
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.642.027.426	907.711.381
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	325.890.420	825.890.420
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cối Mép	62.480.000	53.130.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.043.922.550	986.761.325
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	2.022.055.280	
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	42.078.300	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	11.120.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	71.573.700	9.310.400
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asaco		761.777.830
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	222.653.200	
Công ty TNHH Tiếp vận SPTC Tân Cảng	11.505.450	
Phải trả các nhà cung cấp khác	25.085.824.861	38.281.666.770
Hợp tác xã Xếp dỡ Cơ giới Đại Thành	3.237.476.780	1.789.987.661
Công ty Cổ phần Xếp dỡ Hai Mười Hai	1.946.675.199	1.421.554.698
Công ty Cổ phần Vận tải Vĩnh Đức	1.098.081.820	928.465.780
Công ty TNHH Đồng Nai Tyres		979.338.800
Công ty Cổ phần Thương mại Thuận Nam	143.550.000	2.799.000.000
KOOLKS Ardelet Krauhau GmbH		14.094.911.571
Công ty Cổ phần Thương mại Việt Toàn Cầu	4.538.547.000	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang	1.406.344.280	
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải Thái Thiên	428.715.100	1.283.657.630
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Thuận Hòa	304.975.000	1.154.010.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Gia Việt	1.788.959.305	1.480.074.793
Công ty CP Xây Dựng Vận tải Số Chín		1.610.965.630
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ giới Yate Việt Nam	1.896.400.000	296.300.000
Công ty TNHH Hiệp Lực		792.260.588
Các nhà cung cấp khác	9.295.700.377	9.651.179.619
Cộng	49.119.425.075	66.728.185.501

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.210.981.350		21.232.591.366	(21.223.819.772)	1.215.134.959	35.366.016
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			2.923.132.390	(2.923.132.390)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.525.492.423	124.898.936	17.064.369.571	(11.245.187.873)	7.219.975.188	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hệ cho bên liên doanh			628.868.958		628.868.958	
Thuế thu nhập cá nhân	127.953.336	360.332.575	2.612.614.490	(1.669.750.371)	740.484.880	
Các loại thuế khác		50.610.948	58.140.948	(7.500.000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			359.393.210	(372.050.851)		12.657.641
Cộng	5.864.430.109	535.872.459	47.909.313.936	(43.441.441.257)	9.834.453.985	38.023.656

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được áp dụng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.545.552.958	59.204.698.228
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.555.634.043	(2.838.607.944)
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.290.005.026	5.453.546.267
Chi phí không hợp lý hợp lệ	3.114.070.005	1.938.701.446
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ	6.090.819.020	3.494.843.055
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền năm trước đã thực hiện trong năm nay	1.928.771	1.766
Tài lỗ công ty liên kết	83.187.230	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.734.370.983)	(8.292.154.211)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(8.452.288)	(1.928.771)
Chi phí trích trước năm trước năm nay đã có hóa đơn chứng từ	(3.494.843.055)	(8.290.225.440)
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	(231.075.640)	
Thu nhập tính thuế	85.099.187.001	56.366.090.284

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập theo thuế suất 22%		65.662.635.962
Thu nhập theo thuế suất 20%	85.099.187.001	703.454.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất 22%		12.245.770.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất 20%	17.019.837.401	110.690.864
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.019.837.401	12.386.470.775
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	44.732.173	(1.640.419)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	17.064.569.574	12.384.830.356

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	184.362.750	10.133.100
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí xếp dỡ	184.362.750	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí vệ sinh container		10.133.100
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.408.940.707	5.480.730.747
Chi phí cước điện thoại	32.690.695	41.961.313
Chi phí lãi vay phải trả	107.793.947	1.091.217.607
Chi phí lãi vay chưa cho bên liên quan	68.709.725	
Chi phí quà tặng khách hàng	3.043.636.364	127.946.000
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	379.412.000	1.982.855.385
Chi phí lãi vay phải trả - Phần vốn hóa tài sản		368.277.103
Chi phí thuê kho	195.000.000	
Chi phí trang phục		586.263.000
Chi phí cho người lao động	1.114.700.000	969.100.000
Chi phí thuê xe nâng	226.118.182	165.757.575
Chi phí hoa hồng	71.377.777	38.533.334
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	169.502.017	108.859.430
Cộng	5.593.303.457	5.490.863.847

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.114.655.530	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	2.114.655.530	
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	8.822.720.749	4.073.943.925
Kinh phí cộng đoàn	577.642.961	433.061.927
Bảo hiểm xã hội	1.532.700.881	1.410.647.946
Bảo hiểm y tế	94.938.281	85.535.695
Bảo hiểm thất nghiệp	19.435.812	14.864.254
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	543.600.000	309.000.000
Tiền cược container	354.460.000	
Tiền hoa hồng môi giới	106.349.445	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.787.700.825	761.993.040
Thuế giữ trữ giá tăng chưa kê khai		106.076.883
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam		613.784.000
Chiết khấu thương mại phải trả khách hàng	118.521.635	
Các khoản phải trả người lao động	271.431.697	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	415.899.142	339.040.580
Cộng	7.937.376.079	4.073.943.925

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	8.621.612.981	8.621.612.981
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - vốn góp hợp tác kinh doanh	8.621.612.981	8.621.612.981
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	22.330.000	
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	
Cộng	8.643.942.981	8.621.612.981

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	59.333.629.852	49.639.974.920
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.978.163.040	8.812.209.331
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽¹⁾	11.978.163.040	8.812.209.331
Vay dài hạn đến hạn trả (theo thuyết minh số V.17b)	47.355.466.812	40.827.765.589
Ngân hàng BPCENAM - Chi nhánh Hồ Chí Minh (216.666 USD)		4.881.984.980
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	45.685.066.812	34.275.880.609
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.670.400.000	1.670.400.000
Cộng	59.333.629.852	49.639.974.920

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Lái Cát - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 4) Khoản vay ngắn hạn Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú theo hợp đồng cấp tín dụng số 3630.16.151.687490.TD ngày 23 tháng 6 năm 2016 để hỗ trợ vốn lưu động, phải trả lãi LC/báo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh giai đoạn 2016 - 2017. Thời hạn vay không vượt quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là các phương tiện vận tải đang đảm bảo cấp cứu nghĩa vụ trung hạn của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các khoản phải thu hiện có trên tài khoản số hiện của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 98.15.151.687490 ngày 27 tháng 6 năm 2015.

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phải sinh và các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phải sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã (trả trong năm)	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng:	8.813.209.931	34.251.339.590		(31.085.385.081)	11.979.163.940
Vay dài hạn đến hạn trả	40.827.763.589		47.355.466.812	(40.827.705.589)	47.355.466.812
Cộng	49.639.974.520	34.251.339.590	47.355.466.812	(71.913.110.270)	59.335.629.852

17h. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác:	195.075.612.005	183.447.803.151
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽¹⁾	191.078.812.005	177.740.603.151
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ⁽²⁾	4.036.800.000	5.707.200.000
Cộng	195.075.612.005	183.447.803.151

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- 5) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 419.14.151.223344.TD ngày 14 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khối ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 01 xe nâng container Kalmar Reachstacker model DRT450. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 498.14.151.223344.TD ngày 23 tháng 7 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khối ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư mua 10 xe đầu kéo hiệu Terberg model YT220 MCH chạy trong cảng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 562.14.151.223344.TD ngày 19 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng khối ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2011 và phụ lục số 04-1989/PLTD ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho kỹ giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025 - quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TẤN CẢNG

Địa chỉ: Công Trường - Cầu Lái, phường Cầu Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng trong dài hạn số 008.14.151.223344.TD ngày 26 tháng 11 năm 2014 mua một phần vốn mua với lãi suất được xác định trên tổng kế ước nhận nợ để hỗ trợ vốn đầu tư mục 2 của Công ty mua 10 xe ô tô tải hiệu Kalmar.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 00.15.151.223344.TD ngày 21 tháng 7 năm 2015 trong thời hạn 1 năm với lãi suất được xác định trên tổng kế ước nhận nợ để hỗ trợ vốn đầu tư 30 xe tải loại 15 tấn của công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp pưong diện số 94.15.151.223344.BĐ ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- Hợp đồng tín dụng trong dài hạn số 20.11.APTU/TDM.10/087490.01 ngày 23 tháng 02 năm 2013 để mua xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchomp DRF450 - 0055M và mục đích khác nên được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe nâng container Kalmar trị giá 374.000 EUR tương đương 10.700.000.000 VNĐ theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 14.11.APTU/DK.07/687490.01.
- Hợp đồng tín dụng trong dài hạn số 506.13.151.687490.TD ngày 22 tháng 11 năm 2013 để thanh toán bù đắp tiền mua xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchomp DRF450 - 0055M theo hợp đồng CLL-DMV/TB/12-01 ngày 26/12/2012 và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe nâng container Kalmar hình thành từ vốn vay trị giá 10.000.000.000 VNĐ theo hợp đồng thế chấp số 138.13.151.687490.EB.DN.
- Hợp đồng tín dụng trong dài hạn số 150.13.151.687490.TD.DN ngày 31 tháng 3 năm 2013 để mua xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchomp DRF450 - 0055M và mục đích khác nên được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe nâng container Kalmar trị giá 375.000 EUR tương đương 10.000.000.000 VNĐ theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 138.13.151.687490.DK.DN.
- Hợp đồng tín dụng trong dài hạn số 151.13.151.687490.TD.DN ngày 31 tháng 5 năm 2013 để thanh toán một phần tiền mua 10 xe ô tô Cablu Classic (mã DRUTU QKR551) và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 10 xe ô tô biển số 15U2U biển số đầu từ vốn vay được định giá là 3.425.000.000 VNĐ theo hợp đồng thế chấp ô tô số 139.13.151.687490.EB.DN.
- Hợp đồng tín dụng trong dài hạn số 0031/PTDA/13CD ngày 10 tháng 12 năm 2013 để thanh toán một phần tiền mua 10 xe ô tô tải kéo hiệu Daewoo V31EF và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp (4) sản phẩm Daewoo trị vốn vay là 10 xe ô tô tải kéo hiệu Daewoo V31EF hình thành từ vốn vay được định giá là 18.054.549.455 VNĐ theo hợp đồng thế chấp ô tô số 0094/NHMT-TC.
- Hợp đồng tín dụng trong dài hạn số 402.14.151.687490.TD ngày 28 tháng 05 năm 2014 để thanh toán một phần tiền mua 20 xe ô tô tải kéo hiệu Daewoo V31EF và mục đích khác nên được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 20 xe ô tô tải kéo hiệu Daewoo V31EF hình thành từ vốn vay được định giá là 31.776.000.000 VNĐ theo hợp đồng thế chấp ô tô số 222.14.151.687490.BD.
- Hợp đồng tín dụng trong dài hạn số 609.14.151.687490.TD ngày 20 tháng 12 năm 2014 để thanh toán một phần tiền mua 10 xe ô tô tải kéo hiệu Daewoo V31EF và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lương quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEE hình thành từ vốn vay được định giá là 10.200.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp ô tô số 676.14.151.687490.BĐ.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 147.15.151.687490.1D ngày 31 tháng 8 năm 2015 để cho vay thanh toán LC nhập khẩu ô tô cầu búa Kocks theo Hợp đồng số 73024/CATLAILOGISTICS/KAUK/2015 ngày 26 tháng 3 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Cát Lái và Kocks Ardelt Kranbau GMBH. Thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 cầu búa container hiệu Kocks có sức nâng tối đa 40 tấn, các điều kiện được san xuất năm 2015 tại Châu Âu với 100% phần kết cấu thép được sản xuất tại Việt Nam theo hợp đồng thế chấp (số thiết bị số 126.15.151.687490.BĐ).

Hợp đồng tín dụng số 27377.15.151.1317222.1D ngày 06/10/2015 để bổ sung vốn thanh toán tiền mua ô tô đầu kéo hiệu CHINCHONG theo hợp đồng kinh tế số 1713/HĐKT/IFA-TCHE/2015 ký ngày 05/08/2015 với công ty TNHH ô tô Hải Âu và 02 sở tài chính theo hợp đồng mua bán số 640/2015/HĐMT ký ngày 28/08/2015 với công ty Cổ phần Thương mại Lơ khi Tân Thành. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp ô tô số 27378.15.154.1317222.BĐ ngày 06 tháng 10 năm 2015.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 22671.16.151.223344.1D ngày 25 tháng 10 năm 2016 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhân mà để bổ sung vốn đầu tư ô tô đầu kéo chạy nội bộ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiêu gửi có kỳ hạn số 182.15.151.223344.1G ngày 09 tháng 10 năm 2015, trị giá 4.000.000.000 VND và được giải ngân trong năm 2017.

Kh khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 127915/HĐTD-TD/H/ĐN ngày 27 tháng 5 năm 2015 để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 05 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEE, với 100%, công suất 340PS, sáu trục năm 2015 theo hợp đồng thế chấp ô tô số 127915/HĐTC-TD/H/ĐN ngày 27 tháng 5 năm 2015, tổng giá trị tài sản thế chấp là 10.000.000.000 VND.

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	47.355.466.812	40.827.765.589
Từ trên 1 năm đến 5 năm	138.688.363.135	132.126.361.263
Từ trên 5 năm	56.387.248.870	51.321.441.888
Cộng:	242.431.078.817	224.275.568.740

Chỉ tiêu số phải sinh và các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	183.447.803.151	91.297.850.802
Số tiền vay phải sinh	61.838.360.823	136.324.191.802
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư nợ vay có gốc ngoại tệ cuối năm		278.199.144
Số tiền vay đã trả	(2.855.085.157)	(16.624.580.168)
Số chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(47.355.466.812)	(40.827.765.589)
Số cuối năm	195.075.612.005	183.447.803.151

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty và các công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.388.575.762	3.139.240.545	242.000.000	(2.772.821.318)	2.996.994.989
Quỹ phúc lợi	2.228.248.687	5.983.697.275	1.088.900.000	(4.738.254.500)	4.562.591.462
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	700.000.000	700.000.000		(700.000.000)	700.000.000
Cộng	5.316.824.449	9.822.937.820	1.330.900.000	(8.211.075.818)	8.259.586.451

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	33.968.489.137	93.279.397.091	27.759.076.836	255.006.963.064
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	39.991.910.000		(39.991.910.000)		
Phát hành cổ phiếu thường	9.990.670.000	(9.990.670.000)			
Lợi nhuận trong năm trước			42.758.884.960	2.920.101.926	45.694.986.886
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		4.248.651.543	(11.246.230.497)		(6.997.578.954)
Trích lập các quỹ tại Công ty con		338.127.747	(457.270.652)	(482.178.667)	(701.321.572)
Chưa có từ năm 2014			(14.998.258.000)	(2.520.000.000)	(17.518.258.000)
Số dư cuối năm trước	149.982.580.000	28.464.598.427	69.344.612.902	27.693.000.095	275.484.791.424
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	28.464.598.427	69.344.612.902	27.693.000.095	275.484.791.424
Mua lại vốn góp của công ty con			(4.000.000.000)		(4.000.000.000)
Lợi nhuận trong năm nay			59.096.701.953	3.901.475.624	62.998.178.577
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		5.688.913.460	(14.722.283.650)		(9.033.370.190)
Trích lập các quỹ tại Công ty con		325.823.931	(769.564.173)	(345.827.389)	(789.567.630)
Chís cõ tũc			(22.497.387.000)	(2.253.600.000)	(24.750.987.000)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con		345.939.649	111.990.690	(457.930.339)	
Thủ lao HĐQT, BKS			(61.080.000)	(108.586.667)	(169.666.667)
Số dư cuối năm nay	149.982.580.000	34.823.275.467	90.502.990.723	34.430.532.324	299.739.378.514

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công Tân Cảng - Cầu Lát, phường Cát Lát, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chiến lược kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Chỉ tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tàu Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	59,01%	88.500.000.000	
Các cổ đông khác	61.482.580.000	40,99%	61.482.580.000	
Cộng	149.982.580.000	100,00%	149.982.580.000	

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.998.258	14.998.258
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.258	14.998.258
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.998.258	14.998.258
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.258	14.998.258
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-DHCD ngày 27 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	32.497.387.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	5.688.913.460
• Trích quỹ khen thưởng	2.844.456.730
• Trích quỹ phúc lợi	5.688.913.460
• Trích quỹ thưởng báo điều hành	500.000.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	20.537,53	5.287,52

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Công Tân Cảng – Cầu Lái, phường Cầu Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cải năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán nhiên liệu	1.091.304.327	267.500.629
Dịch vụ bốc xếp container	115.237.442.768	134.560.123.458
Dịch vụ bốc xếp bãi	138.020.383.105	140.820.698.489
Dịch vụ bốc xếp kho	197.039.708.461	134.902.107.755
Dịch vụ lưu bãi	8.693.143.204	7.202.751.111
Dịch vụ thuê kho	11.011.068.740	10.022.768.743
Dịch vụ sửa chữa container	5.095.111.181	659.103.398
Dịch vụ vận tải	121.688.815.439	73.322.706.490
Doanh thu cho thuê xe vận tải vòng ngoài	27.395.603.284	17.850.440.694
Doanh thu dịch vụ khác	1.480.678.827	4.950.790.453
Cộng	622.754.261.336	524.568.651.224

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tàu Cảng Sài Gòn		
<i>Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ</i>	208.420.972.781	178.673.497.463
Công ty Cổ phần Đại lý-Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tàu Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	7.075.136	15.752.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp nhiên liệu</i>	321.700.000	204.966.184
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>		11.200.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	3.026.108.888	4.305.327.643
Công ty Cổ phần UD Tân-Cảng - Long Bình		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	310.118.182	7.150.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>		3.600.000
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	20.000.000	311.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biên Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	5.500.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	11.046.955	

CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	584.509.092	115.730.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	437.270.000	59.779.545
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bình Dương		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	88.332.450	62.311.300
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng Cái Mép		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	276.050.000	11.400.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Mekong		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	41.240.000	64.135.364
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng miền Trung		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	135.316.800	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Texhong Tân Cảng		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.100.000	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	120.113.261	24.943.719
Giảm giá hàng bán		515.328.240
Cộng	<u>120.113.261</u>	<u>540.271.959</u>
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng nhiên liệu	1.067.749.552	202.714.343
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	476.674.380.742	413.725.524.684
Cộng	<u>477.742.130.294</u>	<u>413.928.239.027</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.661.821.871	2.687.673.918
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.494.348	44.980.190
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	56.128.433	671.853.775
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.705.161	
Cộng	<u>4.764.149.813</u>	<u>3.404.507.883</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	18.531.968.094	12.558.499.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	204.253.412	1.703.724.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		473.199.631
Cộng	<u>18.736.221.506</u>	<u>14.735.423.336</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.649.209.939	839.689.356
Các chi phí khác	3.238.319.134	2.656.887.313
Cộng	5.887.529.073	3.496.576.668

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.657.710.756	15.754.128.542
Chi phí vật liệu quản lý	156.900.917	430.806.460
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.695.921.512	1.571.698.231
Chi phí thuê bao tài sản cố định	1.040.209.786	722.197.375
Thuế, phí và lệ phí	145.971.921	251.213.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.754.187.884	6.089.056.682
Các chi phí khác	17.713.360.453	12.144.470.901
Cộng	44.464.263.229	36.963.551.918

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	53.000.000	
Thu tiền hỗ trợ di dời		17.011.349.136
Tiền thu từ hàng hóa tồn thất	22.363.824	36.620.071
Tiền bán thanh lý tài sản và phế liệu		2.064.090.909
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	388.649.711	92.950.354
Thu tiền bán lỗ sơ suất	10.000.000	9.090.910
Chi phí mua hàng không phải chi trả		138.540.000
Tiền bồi thường bảo hiểm	67.000.000	
Thu tiền phí đại lý hàng tàu		117.446.824
Thu nhập khác	43.218.655	4.762.956
Cộng	584.232.191	14.474.851.163

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí di dời		12.010.252.022
Chi phí bồi thường tổn thất	516.704.151	481.817.200
Thuồng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	407.300.594	35.744.873
Thu nợ phạt, bị truy thu	434.647.442	192.886.010
Chi phí phạt vi phạm hành chính	71.408.700	
Chi phí đền bù vi phạm hợp đồng	3.370.986	829.784.000
Lãi chậm nộp bán hiểm	26.102.546	11.326.365
Chi phí khác	75.911.370	17.138.664
Cộng	1.535.645.789	13.578.949.134

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH LIỆP NIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	698.968.611	1.823.849.597
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chuẩn lệch tạm thời được khấu trừ	(1.218.163.804)	(608.968.611)
Cộng	(519.195.193)	1.214.880.986

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.096.701.953	42.758.884.960
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.469.277.814)	(7.216.721.859)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	49.631.424.139	35.542.163.101
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.998.258	14.998.258
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.309	2.370

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.407.489.517	52.370.608.880
Chi phí nhân công	(12.146.148.247)	(24.178.707.032)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.991.334.320	32.361.329.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.644.573.322	228.439.702.860
Chi phí khác	(1.536.327.638)	28.326.180.782
Cộng	527.026.173.044	485.576.529.204

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty và các công ty con phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu		39.991.910.000
Phát hành cổ phiếu thưởng		0.990.670.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cầu Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cứu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và các công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty và các công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty và các công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tài nhận của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.066.457.777	1.988.591.229
Tiền thưởng	1.233.542.223	1.000.715.817
Cộng	3.300.000.000	2.989.307.046

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty và các công ty con gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần ICĐ Tân Cảng Hàng Không
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
Công ty Cổ phần ICĐ Tân Cảng - Long Bình
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - SIC
Công ty Cổ phần ĐIC Tân Cảng - Cái Mép
Công ty Cổ phần Cảng Cầu Lái

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asenco	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phó Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SICO Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	10.650.245.516	6.417.513.400
Cung cấp dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng	21.051.672.000	19.483.172.364
Cung cấp dịch vụ tư vấn	2.842.925.770	2.408.888.319
Cung cấp dịch vụ phương tiện	1.776.000.000	2.592.110.290
Cung cấp dịch vụ điện, nước, khám sức khỏe	2.087.271.594	2.505.466.639
Chi trả cổ tức cho Công ty mẹ	13.275.000.000	8.850.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Công ty mẹ		29.500.000.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sông Thần		
Cung cấp dịch vụ	3.590.314.100	1.882.382.784
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công Trình Tân Cảng		
Xây dựng kho	4.545.454.545	26.329.043.323
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Kếp đã Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	4.202.480.851	6.736.043.996
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	12.185.536.364	23.467.167.931
Mua sắm tài sản vô hình		789.000.000
Thanh lý tài sản		986.363.636
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mập		
Cung cấp dịch vụ		48.300.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	7.130.727.467	3.362.143.824
Thanh lý tài sản		350.000.000
Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	4.000.000.000	
Chi trả cổ tức trong năm	400.000.000	480.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	470.768.760	178.054.376

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		
Cung cấp dịch vụ	3.457.486.000	4.799.839.300
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước		
Cung cấp dịch vụ		16.564.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	3.792.583.000	4.237.622.400
Mua sắm tài sản cố định hữu hình	1.703.755.727	5.527.595.000
Mua sắm tài sản cố định vô hình		157.236.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng		
Nhiệm góp vốn hợp tác kinh doanh		8.621.612.981
Phải thu các khoản liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh		400.820.498
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC		
Cung cấp dịch vụ	343.335.500	312.832.523
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Cung cấp dịch vụ	12.000.000	697.330.664
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hòa		
Cung cấp dịch vụ	202.412.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asaco		
Cung cấp dịch vụ	2.145.728.900	8.079.162.200
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng		
Mua xăng dầu	14.056.708.727	
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	188.786.500	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đông Nai		
Cung cấp dịch vụ	10.009.091	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước		
Cung cấp dịch vụ	221.826.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		
Cung cấp dịch vụ	246.550.000	
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cầu Mép		
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	279.950.000	
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng		
Phải trả phí dịch vụ	71.161.500	
Công nợ với các bên liên quan khác		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.15 và V.16.		
Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bản đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Thông tin về bộ phận**

Bản cấu bộ phận chính yếu là trên lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty và các công ty con có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bốc xếp
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực bốc xếp	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	416.297.536.334	176.336.611.741	622.634.148.075
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	416.297.536.334	176.336.611.741	622.634.148.075
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	111.031.406.134	33.860.617.647	144.892.017.781
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(50.351.792.302)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			94.540.225.479
Doanh thu hoạt động tài chính			1.764.149.813
Chi phí tài chính			(18.726.221.506)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			(83.187.230)
Tiền nhập khác			584.252.191
Chi phí khác			(1.535.845.789)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(17.061.569.574)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			519.175.103
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			62.998.178.577
Tổng chi phí đã phải sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	30.598.363.384	31.748.379.700	62.346.743.084
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	34.739.411.270	37.284.492.781	77.023.904.051
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	110.283.229.702	113.745.149.563	524.028.379.265
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.283.229.702	113.745.149.563	524.028.379.265
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	85.839.929.269	24.260.210.969	110.100.140.238
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(40.460.128.586)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			69.640.011.652

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH LIỢP NIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực bốc xếp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Lợi nhuận hoạt động tài chính			3.404.307.883
Chi phí tài chính			(111.738.725.336)
Thu nhập khác			14.473.851.163
Chi phí khác			(15.578.949.134)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(12.384.830.356)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(1.124.880.980)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<u>45.694.986.886</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>207.403.235.710</u>	<u>19.547.703.279</u>	<u>326.950.938.989</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>43.348.718.692</u>	<u>12.251.380.607</u>	<u>55.599.999.299</u>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:			
	<u>Lĩnh vực bốc xếp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>270.196.407.629</u>	<u>260.844.794.822</u>	<u>531.041.202.451</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>4.117.940.750</u>	<u>1.627.039.458</u>	<u>5.744.980.208</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>136.379.576.238</u>
<i>Tổng tài sản</i>			<u>673.165.758.937</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>129.492.063.688</u>	<u>166.075.779.782</u>	<u>295.567.843.470</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>11.058.452.478</u>	<u>4.369.304.964</u>	<u>15.427.757.442</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>62.430.779.511</u>
<i>Tổng nợ phải trả</i>			<u>373.426.380.423</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>390.136.604.009</u>	<u>60.105.391.614</u>	<u>450.542.195.623</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>60.103.031.719</u>	<u>16.986.127.337</u>	<u>77.088.159.056</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>104.414.737.759</u>
<i>Tổng tài sản</i>			<u>632.045.092.438</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>259.572.568.268</u>	<u>11.378.928.176</u>	<u>303.951.496.444</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>8.939.409.119</u>	<u>1.532.121.791</u>	<u>11.491.530.910</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>41.117.273.660</u>
<i>Tổng nợ phải trả</i>			<u>356.569.301.014</u>

2b. Thông tin về khu vực điều lý

Tuần bộ hoạt động của Công ty và các công ty con chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty và các công ty con phải sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cầu Lái, phường Cầu Lái, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty và các công ty con.

Công ty và các công ty con có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty và các công ty con giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng trả chính tại. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đầu thu hồi.

Công ty và các công ty con có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH Một Thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, với số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 40% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 198%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty và các công ty con được gửi tại các ngân hàng được liên minh người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Hết quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	134.244.599,664				134.244.599,664
Phải thu khách hàng	100.102.343,607			129.156,004	100.231.499,611
Các khoản phải thu khác	3.010.101,619				3.010.101,619
Cộng	237.357.044,890			129.156,004	237.486.200,894
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.635.769,148				83.635.769,148
Phải thu khách hàng	97.250.077,438			129.156,004	97.379.233,442
Các khoản phải thu khác	1.271.703,409				1.271.703,409
Cộng	182.157.550,095			129.156,004	182.286.706,099

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty và các công ty con gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty và các công ty con chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro thanh khoản thông qua cấu trúc pháp lý (thường xuyên theo dõi các yếu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của lãi suất).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả lãi chính phủ phải sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	49.119.425.075			49.119.425.075
Vay và nợ	59.333.639.852	138.688.363.135	56.387.248.870	254.409.241.857
Các khoản phải trả khác	9.246.789.000	8.603.441.981		17.850.231.990
Cộng	117.699.843.936	147.332.306.116	56.387.248.870	321.419.398.922

Số đầu năm

Phải trả người bán	66.728.185.501			66.728.185.501
Vay và nợ	19.639.974.920	132.126.361.263	51.321.411.888	233.087.778.071
Các khoản phải trả khác	5.931.797.467			5.931.797.467
Cộng	122.299.957.888	132.126.361.263	51.321.411.888	305.747.761.039

Ban Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty và các công ty con có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền lãi từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty và các công ty con gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các danh ghi dưới đây liên quan đến hoạt hình tài chính của Công ty và các công ty con tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách (i) trả thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, (ii) mua chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tài sản nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty và các công ty con không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tại sau/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty và các công ty con như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản trong đường tiền	20.537,53	5.287,52
Vay và nợ		(216,066,001)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	20.537,53	(211,578,489)

Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận tài chính và vốn chủ sở hữu của Công ty và các công ty con là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của công ty (bộ chính) sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty và các công ty con chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất công như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và số điều phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty và các công ty con như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.600.000.000		77.000.000.000	
Vay và nợ	(254.409.241.857)		(228.206.293.091)	(216.666,00)
Nợ phải trả thuần	(131.409.241.857)		(151.206.293.091)	(216.666,00)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty và các công ty con sẽ giảm/tăng 2.102.547.870 VND (năm trước giảm/tăng 3.084.125.862 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty và các công ty con có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty và các công ty con quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách liên đới chặt chẽ các dòng thu và tính toán có liên quan của chi những nhiệm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty và các công ty con chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty (thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn theo hợp đồng số 182.15.151.223344 ngày 09 tháng 10 năm 2015 để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V.1 và V.17). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 4.000.000.000 VND.

Tài sản nhũn thế chấp của đơn vị khác

Công ty và các công ty con không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác (từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 về tới ngày 31 tháng 12 năm 2016).

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	134.214.599.664		83.635.769.148	
Phải thu khách hàng	100.231.499.611	(129.156.004)	97.379.233.442	(129.156,004)
Các khoản phải thu khác	3.010.101.619		1.271.703.499	
Cộng	237.456.200.894	(129.156.004)	182.286.706.089	(129.156,004)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	49.119.425.075	66.728.185.501
Vay và nợ	254.409.241.857	233.087.778.071
Các khoản phải trả khác	17.890.731.990	5.931.797.467
Cộng	321.419.398.922	305.747.761.039

Giá trị hợp lý

Công ty và các công ty con chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc

Bùi Quang Huy